BẢN TIN
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

ISSN 1859 - 0268

SỐ 05/2022

KỶ NIỆM 190 NĂM THÀNH LẬP TỈNH AN GIANG (1832 - 2022)

- Tháng 11/2022 -

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 1395A/TB-SKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 28 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công bố kết quả chấm thi Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận và slogan cho sản phẩm gạo An Giang

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-SKHCN ngày 09/ 8/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang về việc thành lập Ban Tổ chức và Tổ Thư ký Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận và slogan cho sản phẩm gạo An Giang;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-BTCCT ngày 10/8/2022 của Ban Tổ chức Cuộc thi Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận và slogan cho sản phẩm gạo An Giang về việc ban hành Thể lệ Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận và slogan cho sản phẩm gạo An Giang;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-BTCCT ngày 22/9/2022 của Ban Tổ chức Cuộc thi Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận và slogan cho sản phẩm gạo An Giang về việc ban hành Quy chế chấm thi Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận và slogan cho sản phẩm gạo An Giang;

Căn cứ Biên bản số 86b/BB-HĐGK ngày 11/10/2022 của Hội đồng Chấm thi Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận gạo và slogan cho sản phẩm gạo An Giang.

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang *(Ban Tổ chức Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận và slogan cho sản phẩm gạo An Giang)* công bố kết quả chấm thi Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận gạo và slogan cho sản phẩm gạo An Giang như sau:

TT	Xếp giải	Mã tác phẩm	Tác phẩm
I	Logo		
01	Giải nhất	LAG 15	
02	Giải nhì	LAG 22	

TT	Xếp giải	Mã tác phẩm	Tác phẩm
I	Logo		
03	Giải ba	LAG 21	
II	Slogan		
02	Giải nhất	SA G07	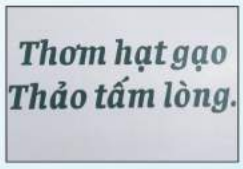

Trong thời hạn 30 ngày, từ ngày công bố kết quả chấm thi, nếu không có tổ chức, cá nhân khiếu nại về bản quyền, Sở Khoa học và Công nghệ An Giang sẽ quyết định công nhận kết quả đạt giải thưởng Cuộc thi thiết kế logo nhãn hiệu chứng nhận và slogan cho sản phẩm gạo An Giang và sẽ dự kiến trao giải cho các tác phẩm đạt giải trong tháng 12 năm 2022; đồng thời, đưa ra phương án xử lý vi phạm nếu xảy ra trường hợp bài dự thi đạt giải có vi phạm về bản quyền./.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Tăng Phú An

ISSN 1859 - 0268

Chịu trách nhiệm xuất bản:
ThS. TĂNG PHÚ AN
Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trưởng Ban biên tập:
ThS. PHAN VĂN KIẾN
Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Phó Trưởng Ban biên tập:
ThS. TRẦN PHÚ VINH

Thư ký:
KS. HÀ THỊ MỸ TRANG

Biên tập viên:
ThS. ĐẶNG THỊ TIẾP THU
ThS. TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH
KS. TRƯƠNG BẢO QUỐC
KS. TRƯƠNG TUẤN KIỆT

Trình bày
NGÔ THỊ XUÂN

Địa chỉ phát hành:
Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
☎ (0296) 3852212 hoặc (0296) 3954305
✉ bantinkhcnag@gmail.com

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN - CHÍNH SÁCH

1. Thông tư quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa giai đoạn năm 2021 - 2030 — 2
2. Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030 — 3
3. Tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh An Giang — 5

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

4. Kết quả hoạt động Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh An Giang và giải pháp đẩy mạnh hoạt động này trong thời gian tới — 7
5. Ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang — 10
6. Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển du lịch thị xã Tân Châu giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030 — 13
7. Thực trạng di dân nông thôn - đô thị và ảnh hưởng của nó đến vấn đề an sinh xã hội ở tỉnh An Giang — 15
8. Xây dựng quy trình chế biến trà hòa tan bằng công nghệ sấy phun từ hạt trái trâm - Tri Tôn — 17
9. Kết quả thực hiện dự án "Ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu tại An Giang" — 21
10. Kết quả thực hiện quy định về đo lường tại Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN và Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN tại An Giang — 24
11. Kết quả hội thảo khoa học "An Giang 190 năm hình thành và phát triển" — 27
12. Việc thành lập tỉnh An Giang năm 1832 qua ghi nhận của quốc sử quán nhà Nguyễn — 29

TIN TỨC

13. Điểm tin hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện tháng 9 - 10 năm 2022 — 32
14. Kết quả thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa trong kinh doanh xăng dầu — 33
15. Kết quả thanh tra về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện — 36

THIẾT BỊ/ CÔNG NGHỆ MỚI

16. Sơn bức xạ RARE: Tăng cường khả năng làm mát ngày hè — 38
17. Sáng chế thành công thiết bị làm sạch khí Biogas — 40

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CNSH	Công nghệ sinh học	NHCN	Nhãn hiệu chứng nhận
ĐMST	Đổi mới sáng tạo	NNCNC	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long	SHCN	Sở hữu công nghiệp
KH&CN	Khoa học và Công nghệ	SHTT	Sở hữu trí tuệ
KT-XH	Kinh tế - xã hội	UBND	Ủy ban nhân dân

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:

THÔNG TƯ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA GIAI ĐOẠN NĂM 2021 - 2030

Ngày 31/8/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1322/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (gọi tắt là Chương trình). Với mục tiêu chung giai đoạn 2021 - 2030 là hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Nhằm triển khai có hiệu quả và quản lý thống nhất việc thực hiện nhiệm vụ của Chương trình từ Trung ương đến địa phương, ngày 12/10/2022 Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN quy định quản lý Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân quản lý, thực hiện và tham gia thực hiện các nhiệm vụ Chương trình và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Thông tư quy định rõ việc xác định nhiệm vụ; việc tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện, ký hợp đồng, kiểm tra, điều chỉnh trong quá trình thực hiện và đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia. Bên cạnh đó, còn quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao thuộc Chương trình.

Thông tư quy định rõ thẩm quyền quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình sẽ do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, các bộ ngành, địa phương phối hợp thực hiện; các bộ ngành, địa phương chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình thông qua các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Điều khoản chuyển tiếp của Thông tư này quy định các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình đã được đăng thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp hoặc tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục được áp dụng theo quy định của pháp luật là căn cứ pháp lý để tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước hoặc áp dụng theo quy định tại Thông tư này. Trong trường hợp các quy định, văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định nội dung tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2022./.

Phạm Văn Cao

(Nguồn: Thông tư số 15/2022/TT-BKHCN ngày 12/10/2022 của Bộ KH&CN)

AN GIANG:

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2030

Nhằm mục tiêu đưa SHTT trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm, tạo môi trường khuyến khích ĐMST và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội trên địa bàn tỉnh. Ngày 21/9/2022, UBND tỉnh An Giang đã ký Quyết định số 2338/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030 với các mục tiêu cụ thể:

*** Đến năm 2025:**

- Tuyên truyền, tập huấn về phát triển tài sản trí tuệ cho trên 2.000 lượt đại biểu là đại diện sở, ban, ngành, đoàn thể, các hội, viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Đáp ứng 85% yêu cầu về tư vấn, hướng dẫn ít nhất 250 lượt tổ chức, cá nhân lập hồ sơ xác lập bảo hộ quyền SHCN; hỗ trợ ít nhất 250 đối tượng SHCN, trong đó: 215 nhãn hiệu cá thể, 05 nhãn hiệu tập thể, 05 NHCN/chỉ dẫn địa lý, 10 kiểu dáng công nghiệp, 10 sáng chế/giải pháp hữu ích, 05 giống cây trồng mới đăng ký bảo hộ trong nước và đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích, giống cây trồng mới.

- 95% trường đại học, trường cao đẳng, trường trung học, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ bảo hộ quyền SHTT đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

- Tối thiểu 30% sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù và sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) của tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

*** Đến năm 2030:**

- Tuyên truyền, tập huấn về phát triển tài sản trí tuệ cho trên 3.000 lượt đại biểu là đại diện sở, ban, ngành, đoàn thể, các hội, viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Đáp ứng 90% yêu cầu về tư vấn, hướng dẫn ít nhất 250 lượt tổ chức, cá nhân lập hồ sơ xác lập bảo hộ quyền SHCN; hỗ trợ ít nhất 300 đối tượng SHCN; trong đó: 255 nhãn hiệu cá thể, 05 nhãn hiệu tập thể, 05 NHCN/chỉ dẫn địa lý, 15 kiểu dáng công nghiệp, 10 sáng chế/giải pháp hữu ích, 10 giống cây trồng mới đăng ký bảo hộ trong nước và đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích, giống cây trồng mới.

- Số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích tăng trung bình 5%/năm, nhãn hiệu tăng trung bình 10%/năm.

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 5%/năm.

- Tối thiểu 40% sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Đáp ứng 100% các sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh đã được cấp văn bằng/giấy chứng

nhận bảo hộ, sản phẩm OCOP có nhu cầu đều được hỗ trợ để quảng bá xúc tiến thương mại tại các kỳ hội chợ trong nước.

- Hỗ trợ khai thác, áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích cho doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu.

- Củng cố và phát huy giá trị các nhãn hiệu đặc sản đã được xây dựng ở các giai đoạn trước chưa được đưa vào khai thác sử dụng và phát triển.

- Có trên 50% sản phẩm nông nghiệp của tỉnh được xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể, NHCN, chỉ dẫn địa lý theo Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2026 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/3/2021.

*** Nội dung của Chương trình:**

1. Hỗ trợ tra cứu, tư vấn, hướng dẫn thủ tục; cung cấp thông tin phục vụ hoạt động đăng ký xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển giá trị tài sản trí tuệ.

2. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách pháp luật SHTT qua các hình thức: đào tạo, tập huấn, hội thảo, tọa đàm; tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng về SHTT cho tổ chức, cá nhân, cán bộ cơ quan quản lý nhà nước, trường đại học… nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền SHTT và thúc đẩy ĐMST; nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quyền SHTT.

3. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở trong và ngoài nước đối với sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới của tổ chức, cá nhân đã thực hiện thủ tục tra cứu và nộp đơn đăng ký bảo hộ.

Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ, xây dựng, triển khai hệ thống quản lý, khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, NHCN, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới để phát triển tài sản trí tuệ.

4. Hỗ trợ kinh phí tham gia trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT tại các hội chợ thương mại, chợ thiết bị công nghệ trong và ngoài tỉnh nhằm mục đích quảng bá, khai thác, phát triển giá trị sản phẩm.

Hỗ trợ sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý khai thác và sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia để quảng bá, thương mại hóa sản phẩm.

5. Phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

6. Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ quyền SHTT, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép các đối tượng SHTT. Tăng cường sự phối hợp, trao đổi thông tin, nâng cao năng lực cho hệ thống cơ quan thực thi quyền SHTT.

7. Hỗ trợ, hướng dẫn tra cứu, khai thác thông tin về SHTT cho tổ chức KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST khai thác, ứng dụng thông tin KH&CN, đặc biệt là cung cấp thông tin sáng chế/giải pháp hữu ích phục vụ nghiên cứu, triển khai nhằm tạo ra các công nghệ và sản phẩm mới.

(xem tiếp trang 6)

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC ĐẤU TRANH CHỐNG BUÔN LẬU, GIAN LẬN THƯƠNG MẠI VÀ HÀNG GIẢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Từ thực tiễn trong những năm gần đây, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro; dịch bệnh COVID-19 trên thế giới và trong nước diễn biến phức tạp; tỉnh An Giang đã có nhiều giải pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm nên tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn có xu hướng giảm. Tuy nhiên, sau khi Chính phủ có chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19, với hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hóa trở lại bình thường thì tình hình buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trên cả nước nói chung và tỉnh An Giang nói riêng có chiều hướng gia tăng trên các tuyến biên giới và địa bàn nội địa, với phương thức, thủ đoạn mới và tinh vi hơn.

Ngày 12/10/2022, Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành Công văn số 1194/UBND-KTN chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 25/3/2021 về tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh An Giang.

Để nâng cao hiệu quả công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, quyền lợi người tiêu dùng, góp phần ổn định thị trường và phát triển KT-XH của tỉnh An Giang; Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

Tiếp tục thực hiện nghiêm và hiệu quả Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 25/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh An Giang; thực hiện nghiêm công tác theo dõi, đôn đốc, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị cũng như kiến nghị, đề xuất gửi về UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo thực hiện; khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Công văn số 973/UBND-KTN ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý, chống buôn lậu, hàng gian hàng giả trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, các lực lượng nòng cốt là các đơn vị chức năng Công an, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Quản lý thị trường và Ban Chỉ đạo 389 các huyện, thị xã, thành phố chủ động tự tổ chức, xây dựng các phương án, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý kịp thời, hiệu quả hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, không để phát sinh điểm nóng, kho, bãi, điểm tập kết, trung chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, hàng vi phạm quyền SHTT... trên địa bàn quản lý; xử lý kịp thời, công khai, nghiêm minh những tập thể, cá nhân tiếp tay, bao che, bảo kê hoặc tham gia hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

Giao Công an tỉnh chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường công tác nắm tình hình,

xây dựng kế hoạch đấu tranh, triệt phá các đường dây buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, nhất là đối với các loại mặt hàng xăng dầu, vàng, ngoại tệ, thuốc lá, đường cát, phân bón... và các loại hàng cấm, hàng hóa gian lận xuất xứ...; đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án về buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả nghiêm trọng, phức tạp, được dư luận quan tâm; phối hợp chặt chẽ với Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh sớm đưa ra truy tố, xét xử nghiêm minh trước pháp luật, góp phần răn đe, phòng ngừa chung.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầuThủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố cùng các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Đặng Thị Tiếp Thu

(Nguồn: Công văn số 1194 /UBND-KTN ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh An Giang)

(tiếp theo trang 4)

*** Đối tượng được hỗ trợ của Chương trình:**

- Chương trình áp dụng đối với tất cả doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang. Ưu tiên doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã.

- Cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh có địa chỉ hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản trí tuệ hoặc được Nhà nước ủy quyền quản lý tài sản trí tuệ.

- Hỗ trợ đối tượng quyền SHTT gồm: nhãn hiệu cá thể, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích, giống cây trồng mới về chi phí nộp đơn đăng ký, phát triển tài sản trí tuệ; nhãn hiệu tập thể, NHCN, chỉ dẫn địa lý và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP của tỉnh.

- Tổ chức xét duyệt các hồ sơ đăng ký khi có nhu cầu gửi đến.

Sở KH&CN chủ trì, quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chung của Chương trình; quản lý và hỗ trợ việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình. Là cơ quan đầu mối để các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ liên hệ./.

Phòng Quản lý Chuyên ngành

(Nguồn: Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh An Giang)

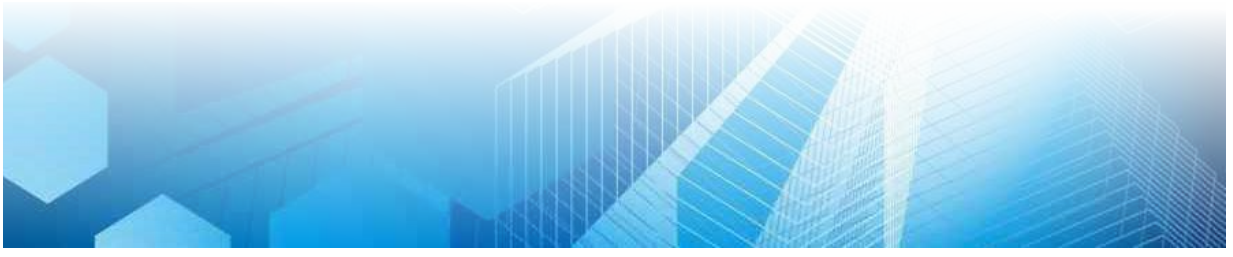

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI TỈNH AN GIANG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG NÀY TRONG THỜI GIAN TỚI

ThS. Nguyễn Công Kha
Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Khởi nghiệp hiện nay là cụm từ rất phổ biến trên các diễn đàn cũng như trong các hội nghị mà đặc biệt là ở Việt Nam trong thời gian gần đây và chưa bao giờ phong trào khởi nghiệp tại Việt Nam lại "nóng" đến vậy. Theo tự điển tiếng Việt thì Khởi nghiệp được giải nghĩa là bắt đầu sự nghiệp. Định nghĩa này cũng thay đổi qua thời gian với các nhà nghiên cứu khác nhau. Đến đầu thế kỷ 20, định nghĩa khởi nghiệp đã được hoàn thiện và được diễn đạt là quá trình tạo dựng một tổ chức kinh doanh và người khởi nghiệp là người sáng lập nên doanh nghiệp đó. An Giang cũng không ngoại lệ, hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) trên địa bàn tỉnh những năm qua luôn nhận được sự quan tâm của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố cũng như các tầng lớp nhân dân.

Để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang tham mưu các cấp lãnh đạo đưa ra nhiều cách làm và giải pháp để tổ chức thực hiện; mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn trong khâu thực hiện, nhiều vấn đề chưa cụ thể cũng như nguồn lực phục vụ cho việc triển khai đề án này còn hạn chế, nhưng đến giai đoạn hiện tại cũng đạt được một số kết quả sau:

*** Trình các cấp có thẩm quyền ban hành một số chính sách:**

- Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025.

- Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 về việc ban hành kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025.

*** Công tác phối hợp tổ chức và tham gia sự kiện, ngày hội khởi nghiệp**

Đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các sự kiện như:

- "Ngày hội KNĐMST (gọi tắt là Techfest) vùng ĐBSCL tại An Giang".

- "Hội thảo thúc đẩy hỗ trợ phát triển KNĐMST tỉnh An Giang".

- Các cuộc thi: "Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang lần thứ IV"; "Phụ nữ An Giang sáng tạo, khởi nghiệp - kết nối thành công", "Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang lần thứ V năm 2021".

- Bên cạnh đó với vai trò chủ trì triển khai Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên tổ chức tham gia các sự kiện về Ngày hội KNĐMST vùng, khu vực và các địa phương lân cận.

Tham gia trưng bày sản phẩm trong ngày hội khởi nghiệp tại các kỳ Techfest vùng và khu vực

*** Công tác tập huấn, đào tạo về khởi nghiệp và hỗ trợ KNĐMST**

- Tham dự trên 15 lớp đào tạo, tập huấn ở trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng, kiến thức cho lãnh đạo, quản lý và cán bộ phụ trách khởi nghiệp, KNĐMST của cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp với SIHUB tổ chức Tọa đàm "Định hướng phát triển ĐMST tỉnh An Giang giai đoạn 2020 - 2025".

- Phối hợp với Trường Đại học Nguyễn Tất Thành tổ chức tập huấn về KNĐMST năm 2022 cho đối tượng là cán bộ quản lý tại các Sở, ban, ngành và huyện, thị, thành phố nhằm:

+ Thúc đẩy tư duy làm chủ, nâng cao nhận thức, tinh thần truyền thông cho hoạt động về KNĐMST.

+ Cung cấp kiến thức cơ bản về KNĐMST, hình thành và phát triển ý tưởng sáng tạo cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức tại các sở, ngành, địa phương và các tổ chức khác trên địa bàn tỉnh An Giang.

Các nội dung tập huấn xoay quanh các vấn đề:

+ Tổng quan về khởi nghiệp, KNĐMST và doanh nghiệp khởi nghiệp, quản trị doanh nghiệp và các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp.

+ Vai trò của các cơ quan, đơn vị trong hệ sinh thái KNĐMST.

+ Tư vấn ươm tạo dự án; kết nối mạng lưới từ hệ sinh thái khởi nghiệp đến thương mại hóa công nghệ.

+ Vấn đề SHTT của KNĐMST; thuyết trình gọi vốn đầu tư; vai trò của người cố vấn, nhà đầu tư, người hướng dẫn...

Tham gia các khoá tập huấn về Khởi nghiệp

*** Bên cạnh những kết quả đạt được như trên thì vẫn còn tồn tại một số khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện:**

- Nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động KNĐMST còn hạn chế do cơ chế, chính sách mới hình thành bước đầu và chưa hoàn thiện, một số nội dung của Chương trình chưa phù hợp với thực tế triển khai.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt đến thăm gian hàng trưng bày "Một số sản phẩm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang" ở Techfest tại TP.Cần Thơ năm 2022

Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Trần Văn Tùng đến thăm gian hàng trưng bày "Một số sản phẩm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang" tại tỉnh Khánh Hoà năm 2022

- Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu chưa được đầu tư đúng mức, chưa khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hiện có ở các đơn vị, tổ chức hoạt động KH&CN của tỉnh để hỗ trợ KNĐMST; lộ trình xây dựng hệ sinh thái KNĐMST của tỉnh còn chưa rõ ràng.

- Công tác hỗ trợ và các hoạt động khởi nghiệp còn diễn ra đơn lẻ, tính liên thông, liên kết chưa cao. Chưa tiếp cận, khai thác hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ từ trung ương và các tỉnh, thành phố lớn đối với các quỹ đầu tư, mạng lưới nhà đầu tư, cố vấn, chuyên gia; các tổ chức hỗ trợ ươm tạo, thúc đẩy kinh doanh, cung cấp dịch vụ liên quan.

- Chưa có nhiều dự án KNĐMST dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới nên việc tiếp cận chính sách còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn khi gọi vốn đầu tư.

Để hoạt động KNĐMST trong thời gian tới mang lại nhiều hiệu quả hơn nữa cần tập trung một số giải pháp sau:

- Cần hoàn thiện các chính sách về Khởi nghiệp của tỉnh: tiến hành xây dựng và hoàn thiện chính sách hỗ trợ hoạt động KNĐMST trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ban hành tối thiểu 02 chính sách về thúc đẩy thị trường KH&CN, phát triển tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

- Tăng cường công tác thông tin về Khởi nghiệp như: Phát triển, đa dạng hóa kênh thông tin, truyền thông, xây dựng Cổng thông tin kết nối (Hub) KNĐMST và tổ chức nhiều hình thức ghi nhận, tôn vinh tấm gương, doanh nghiệp KNĐMST thành công trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, ươm tạo về KNĐMST: Đào tạo, tập huấn cho các huấn luyện viên, cán bộ phụ trách KNĐMST; các tổ chức, cá nhân hoạt động KNĐMST trên toàn tỉnh. Tổ chức hoạt động thực tập, trải nghiệm thực tế tạo điều kiện cho học sinh - sinh viên các cấp được tiếp xúc với hoạt động ĐMST tại doanh nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển mạng lưới hỗ trợ KNĐMST dựa trên các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực và phát triển trung tâm hỗ trợ KNĐMST, tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; cơ sở ươm tạo; tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung.

- Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp KNĐMST phát triển sản phẩm và thị trường./.

ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

ThS. Phan Văn Kiến

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Trong thời đại xã hội hiện nay, chúng ta gần như không còn xa lạ với cụm từ "chuyển đổi số". Với thành công của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, chuyển đổi số hiện đang là xu hướng tất yếu, là vấn đề sống còn đối với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp và người tiêu dùng trên toàn thế giới. Chuyển đổi số không chỉ giúp tăng năng suất trong quá trình làm việc, giảm tối đa chi phí mà còn đem lại một không gian làm việc phát triển mới, tạo nên những giá trị mới bên cạnh những giá trị truyền thống đã có.

Mặc dù thuật ngữ chuyển đổi số đã xuất hiện phổ biến trên thế giới, tuy nhiên lại không có một định nghĩa chung nào chính xác về chuyển đổi số, bởi vì quá trình áp dụng chuyển đổi số có sự khác biệt ở từng lĩnh vực khác nhau. Theo "Cẩm nang chuyển đổi số" của Bộ Thông tin và Truyền thông: *Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của các cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số*.

Công nghệ số trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 được hiểu theo nghĩa hẹp, là một bước phát triển cao hơn của công nghệ thông tin, cho phép tính toán nhanh hơn, xử lý dữ liệu nhiều hơn, truyền tải dung lượng lớn hơn, với chi phí rẻ hơn; còn hiểu theo nghĩa rộng, là một nhóm công nghệ chính với đại diện là điện toán đám mây (cloud computing), dữ liệu lớn (bigdata), trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), chuỗi khối (block chain)… là công nghệ số quan trọng của chuyển đổi số.

Ở Việt Nam, chuyển đổi số được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2018. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cho rằng: *Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu.* Chuyển đổi số quốc gia bao gồm 03 cấu phần chính, lần lượt là chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước nhằm phát triển chính phủ số, chuyển đổi số trong các hoạt động của doanh nghiệp nhằm phát triển kinh tế số, chuyển đổi số trong hoạt động của người dân nhằm phát triển xã hội số.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và ĐMST trong chuyển đổi số tại tỉnh An Giang hiện nay đang được Đảng bộ, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo. Ngày 09/9/2021, UBND tỉnh An Giang ban hành Chương trình Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Tỉnh ủy An Giang ban hành Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, với mục tiêu: *Phấn đấu đến năm 2025, An Giang thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số; phát triển kinh tế số đạt 10% GRDP; tập trung chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm, thế mạnh của Tỉnh về nông nghiệp, giáo dục, y tế, du lịch...; nâng cao hoạt động hiệu quả quản lý, điều hành các cơ quan đảng,*

Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh An Giang

Hội thảo Chuyển đổi số Doanh nghiệp An Giang

nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và đời sống vật chất tinh thần của người dân. Phấn đấu đến năm 2030, An Giang thuộc nhóm 15 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số; phấn đấu kinh tế số đạt 20% GRDP.

Để thực hiện mục tiêu trên, một số vấn đề đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học, công nghệ và ĐMST trong chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay như sau:

Một là, Xây dựng chính quyền số, hình thành và phát triển đô thị thông minh

- Phát triển hạ tầng số, nền tảng số: hoàn thiện trung tâm dữ liệu, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống phần mềm dùng chung, dịch vụ số hóa dữ liệu; xây dựng, phát triển Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (IOC) để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm vụ trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị; các cơ quan, đơn vị, các ngành tập trung số hóa dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan bảo đảm tập trung, thông suốt, bảo đảm hoạt động lãnh đạo, điều hành của chính quyền trên môi trường số; đẩy mạnh họp trực tuyến, họp không giấy, chữ ký số,... nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

- Xây dựng, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, góp phân công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số; kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP) để chia sẻ, khai thác dữ liệu tỉnh, quốc gia.

- Hoàn thiện Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin một cửa điện tử của các ngành, địa phương để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; ứng dụng triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh để phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giao dịch với cơ quan hành chính góp phần nâng cao chỉ số xếp hạng về chính quyền số của tỉnh.

- Xây dựng thí điểm mô hình chuyển đổi số cho một vài huyện, thị xã, thành phố, trước mắt đầu từ nguồn lực cho chuyển đổi số tập trung xây dựng hệ thống giao thông thông minh, hệ thống giám sát an ninh thông minh, số hóa lĩnh vực tài nguyên, môi trường, y tế, giáo dục, doanh nghiệp,... Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đô thị, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số ở đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh, thí điểm và hoàn thiện mô hình xã thông minh.

Hai là, Phát triển kinh tế số

Tập trung ưu tiên chuyển đổi số trong một số lĩnh vực sau:

+ *Về lĩnh vực du lịch:* xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu giới thiệu các khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch trọng điểm như: Di tích Quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Di tích Quốc gia đặc biệt Óc Eo - Ba Thê, khu du lịch Núi Sam, khu du lịch Núi Cấm,… và các điểm du lịch ở Thoại Sơn, Long Xuyên, Chợ Mới, Tri Tôn, Tịnh Biên, An Phú, Tân Châu; ứng dụng công nghệ số trong du lịch với nền tảng du lịch thông minh tạo điều kiện thuận lợi cho du khách tiếp cận nhanh sinh động, chính xác, đầy đủ thông tin về điểm đến.

+ *Về lĩnh vực nông nghiệp:* phát triển NNCNC theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp trên nền tảng dữ liệu lớn có sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng như về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản; xây dựng bản đồ số nông nghiệp, kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở để thực hiện dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; áp dụng các chương trình, phần mềm, thiết bị Internet vạn vật nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên (nước, đất đai), kiểm soát dịch bệnh, tăng năng suất lao động, giảm phụ thuộc vào điều kiện thời tiết; ứng dụng công nghệ số trong quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp, quản lý chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý; thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp tập trung vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh: lúa chất lượng cao, lúa giống, cá,... một số loài cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, các sản phẩm OCOP của tỉnh.

+ *Về lĩnh vực tài nguyên môi trường:* nghiên cứu, ứng dụng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, môi trường và hạ tầng truyền nhận số liệu quan trắc tự động, tài nguyên, khoáng sản; bản đồ số; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

+ *Về lĩnh vực giao thông vận tải và logistics:* nghiên cứu, ứng dụng triển khai hệ thống giám sát giao thông thông minh tại các đô thị; thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải và logistics; quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép số người điều khiển phương tiện.

+ *Về lĩnh vực tài chính - ngân hàng:* xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc; chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, tự động hóa quy trình; đẩy mạnh phát triển thanh toán di động, thanh toán không dùng tiền mặt.

+ *Về lĩnh vực công nghiệp:* xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi, đổi mới công nghệ áp dụng các công cụ hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, thương mại điện tử, ứng dụng sản xuất thông minh.

Ba là, phát triển xã hội số

- *Về giáo dục và đào tạo:* nghiên cứu, ứng dụng đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo thích ứng với môi trường công

(xem tiếp trang 31)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH:

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH THỊ XÃ TÂN CHÂU GIAI ĐOẠN 2019 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

ThS. Nguyễn Ngọc Mộng Kha
Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang vừa thành lập hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài KH&CN cấp tỉnh "Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển du lịch thị xã Tân Châu giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030" do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp.HCM chủ trì, TS. Phạm Thị Thúy Nguyệt chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 30 tháng, từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2022.

Mục tiêu Đề tài là nghiên cứu xây dựng được mô hình du lịch và đưa ra giải pháp phát triển du lịch ở thị xã Tân Châu, An Giang (trong giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030) một cách rõ ràng và có tính khả thi để phát huy hiệu quả các tiềm năng du lịch của địa phương, nhằm phát triển một cách bền vững, mang lại lợi ích kinh tế và bảo tồn những giá trị văn hóa, tài nguyên thiên nhiên cho địa phương.

Một số kết quả nghiên cứu Đề tài:

1. Xác định được cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch tại thị xã Tân Châu. Phân tích vai trò văn hóa, vai trò du lịch sinh thái, du lịch làng nghề trong phát triển du lịch; giới thiệu mô hình lý thuyết và mô hình quá trình; phân tích 02 bước và 04 nguyên tắt thiết kế trãi nghiệm mô hình; giới thiệu các khái niệm sản phẩm du lịch, 02 cách tiếp cận xây dựng sản phẩm du lịch. Bên cạnh, kết quả nghiên cứu cũng phân tích được các chính sách và chiến lược phát triển du lịch tỉnh An Giang và thị xã Tân Châu; giới thiệu các giá trị văn hóa Chăm trong phát triển du lịch tỉnh An Giang; giới thiệu các mô hình du lịch đặc trưng ở ĐBSCL như mô hình sân chim (Bến Tre), mô hình nhà vườn - homestay (Vĩnh Long), mô hình du lịch sinh thái cộng đồng Cồn Sơn (Cần Thơ) và mô hình Cồn Chim (Trà Vinh); giới thiệu thực trạng các làng nghề có tiềm năng gắn kết phát triển du lịch tỉnh An Giang.

2. Đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch thị xã Tân Châu. Trong đó, nhấn mạnh các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể thị xã Tân Châu như giá trị văn hóa Chăm, văn hóa làng nghề, du lịch sinh thái. Đánh giá thực trạng về cơ sở hạ tầng - kỹ thuật, nguồn nhân lực, quảng bá xúc tiến, các tuyến du lịch và hoạt động tham quan, kinh doanh du lịch thị xã Tân Châu. Phân tích cơ cấu lượt khách du lịch quốc tế và nội địa đến Tân Châu qua các năm 2017 - 2019 và doanh thu từ hoạt động du lịch.

3. Đề xuất mô hình và giải pháp phát triển du lịch thị xã Tân Châu. Đề tài đưa ra 03 định hướng trong phát triển du lịch thị xã Tân Châu là khai thác yếu tố văn hóa Chăm, phát triển du lịch sinh thái và du lịch làng nghề tại thị xã Tân Châu. Từ đó, đề xuất 03 mô hình phát triển du lịch thị xã Tân Châu: (1)Mô hình 3 chiến lược - 3 vai trò trong phát triển du lịch Tân Châu, (2)Mô hình phát triển 4 tầng sản phẩm du lịch,

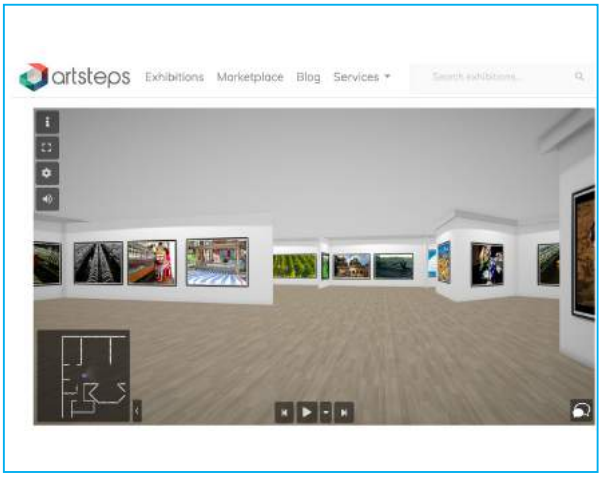

Giao diện phòng trưng bày ảo du lịch TX. Tân Châu

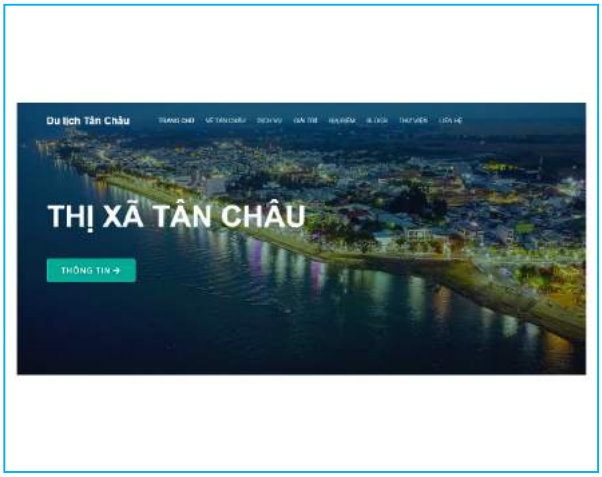

Giao diện Website du lịch TX. Tân Châu

[3]Mô hình quy hoạch phát triển du lịch và quan điểm kinh tế trải nghiệm. Trong đó, nhấn mạnh vào 03 trọng tâm: [1]quy hoạch đầu tư phục dựng không gian đô thị Tân Châu xưa hỗ trợ tạo ra sản phẩm cốt lõi, [2]quy hoạch đầu tư bảo tồn và tạo thêm bản sắc cho khu vực văn hóa Chăm Islam hiện hữu ở làng Châu Phong, [3]quy hoạch đầu tư cồn Vĩnh Hòa theo hướng du lịch để khai thác vị thế riêng của Vĩnh Hòa. Đồng thời, đề xuất 05 nhóm giải pháp phát triển du lịch cho thị xã Tân Châu, gồm: [1]nhóm giải pháp quy hoạch đầu tư; [2]nhóm giải pháp phát triển sản phẩm; [3]nhóm giải pháp phát triển thị trường; [4] nhóm giải pháp quảng bá - maketing; [5]phát triển nguồn nhân lực và nâng cao sự tham gia của cộng đồng.

4. Các hoạt động thực tiễn bao gồm tổ chức các lớp tập huấn về kiến thức, kỹ năng làm du lịch cho cán bộ quản lý và người dân địa phương; nâng cấp cơ sở hạ tầng, tư vấn phát triển dịch vụ, sản phẩm tại 04 điểm du lịch địa phương như Cơ sở dệt nhuộm Hồng Ngọc, Cơ sở dệt chiếu Tân Châu Long, Cơ sở dệt thổ cẩm MOHAMAD, vườn sinh thái Tuấn Vũ; xây dựng mô hình phòng trưng bày thông tin du lịch thị xã Tân Châu bao gồm Website đẹp mắt, đầy đủ nội dung giới thiệu về tổng quan du lịch Tân Châu và phòng trưng bày ảo được xây dựng dựa trên các chuyên mục (tổng quan về địa phương, thông tin điểm đến, cẩm nang du lịch, hình ảnh du lịch, gian hàng sản phẩm, brochure và các bài viết cảm nhận về du lịch Tân Châu); thiết kế Cẩm nang du lịch Tân Châu; xây dựng và tiến hành tour thử nghiệm; đề xuất tour kết nối Tân Châu với những điểm đến du lịch tại các địa phương lân cận trong tỉnh.

Trên cơ sở các phát hiện và các hoạt động đã thực hiện, đề tài đã đi tới đề xuất những giải pháp mang tính phối hợp vai trò của các bên liên quan (chính quyền địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng). 5 nhóm giải pháp về quy hoạch đầu tư, về phát triển sản phẩm, về phát triển thị trường, về quảng bá - marketing, về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao khả năng tham gia của cộng đồng mà nhóm nghiên cứu đưa ra đều cần nhận được sự quan tâm và triển khai đồng bộ nhằm hướng đến khai thác hiệu quả các giá trị tự nhiên, văn hóa bản địa để phát triển du lịch bền vững tại thị xã Tân Châu./.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH:

THỰC TRẠNG DI DÂN NÔNG THÔN – ĐÔ THỊ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN VẤN ĐỀ AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH AN GIANG

Phòng Quản lý Khoa học
Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

An Giang là một trong những địa phương có số lượng người dân xuất cư cao hơn nhiều so với người nhập cư với tỷ suất di dân thuần năm 2019 là -2,1%. Trong chiến lược phát triển đô thị hóa nói riêng và quá trình phát triển KT-XH nói chung, các nhà quản lý và hoạch định chính sách của tỉnh cần quan tâm đến thực trạng và ảnh hưởng của xu hướng di dân này. Nhu cầu tất yếu đặt ra là cần phải xây dựng và thực thi những chính sách về dân số nói chung và di dân nói riêng của tỉnh cho phù hợp với sự thay đổi.

Trong năm 2019, UBND tỉnh An Giang đã quyết định thực hiện Đề tài KH&CN cấp tỉnh "Thực trạng di dân nông thôn - đô thị và ảnh hưởng của nó đến vấn đề an sinh xã hội ở tỉnh An Giang" do Trung tâm Nghiên cứu khoa học xã hội và Nhân văn (Trường Đại học An Giang) chủ trì, TS. Phạm Thị Thúy chủ nhiệm. Mục tiêu nghiên cứu Đề tài là đánh giá thực trạng tình hình di dân nông thôn - đô thị và ảnh hưởng của nó đến tình trạng an sinh xã hội ở tỉnh An Giang, đề xuất giải pháp phát huy các mặt tích cực và hạn chế của hiện tượng di dân nông thôn - đô thị ở tỉnh An Giang giai đoạn 2020 - 2025, dự báo xu hướng di dân và ảnh hưởng của nó đến tình trạng an sinh xã hội tỉnh An Giang đến năm 2030. Sau hơn 30 tháng thực hiện (11/2019 - 5/2022), Đề tài đạt được một số kết quả sau:

Xây dựng cơ sở lý luận vấn đề di dân từ nông thôn - đô thị và ảnh hưởng của nó đến vấn đề an sinh xã hội ở Việt Nam. Tổng hợp các khái niệm cơ bản về di dân như loại hình di dân, lao động di cư và một số đặc trưng chủ yếu của lao động di cư từ nông thôn - thành thị. Phân tích vai trò của di dân đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình ở nông thôn, an sinh xã hội. Giới thiệu các lý thuyết về di cư và cách tiếp cận. Phân tích một số chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước đối với di dân nông thôn - đô thị và phát triển kinh tế nông thôn. Giới thiệu các công trình nghiên cứu trước đây về di dân nông thôn - đô thị và ảnh hưởng của nó đến vấn đề an sinh xã hội tại Việt Nam.

Đánh giá thực trạng di dân nông thôn - đô thị tỉnh An Giang. Kết quả khảo sát 600 hộ gia đình có người di cư và 300 người di cư tại 03 huyện Châu Thành, Tịnh Biên và Phú Tân, tỉnh An Giang cho thấy đa số người di dân có tuổi trung bình từ 20-35 tuổi, tỷ lệ nam cao hơn nữ, đa số người di dân đến từ khu vực nông thôn (83,6%), trong đó 80% là di cư tới khu vực Đông Nam Bộ. Loại hình di dân chủ yếu là di cư lâu dài > 05 năm (42,3%), 3-5 năm (31%) còn lại là di cư thấp hơn 03 năm. Trước di dân chủ yếu là lao động tự do, sau di dân chủ yếu làm công nhân (71%). Yếu tố quyết định công việc tại nơi đến là trình độ chuyên môn của người di dân.

Dân di cư chủ yếu đăng ký tạm trú (94%). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến quyết định di dân là tìm việc làm hoặc thu nhập cao hơn (51,7%), có chỗ làm việc tốt hơn (23,3%) và do ở quê không có việc làm (13,5%).

Đánh giá tác động của di dân đến phát triển kinh tế, an sinh xã hội tỉnh An Giang. Đa phần hộ gia đình có người lao động di dân thừa nhận các ảnh hưởng tích cực đối với quê nhà như nâng cao điều kiện sống (68,3%), cải thiện đời sống, tăng thu nhập và có điều kiện chăm sóc sức khỏe hộ gia đình (67,2%), bản thân người di dân có thêm kiến thức làm ăn và chăm sóc nuôi dạy con cái tốt hơn sau khi trở về quê (56%) bởi người di dân đi làm việc ở nơi khác sẽ học được các kỹ năng, nâng cao tay nghề và đặc biệt là kỹ năng mềm trong mọi lĩnh vực. Mặt khác, các kiến thức về giáo dục, y tế tiếp cận ở các thành phố lớn sẽ hữu ích khi người lao động quay trở về quê nhà.

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực đối với lao động, di dân nông thôn - đô thị ở An Giang cũng kéo theo những ảnh hưởng tiêu cực về việc thiếu hụt lao động trẻ. Điều này thể hiện qua tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại các khu vực kinh tế tại khu vực nông thôn chỉ đạt 9,87%, thấp hơn nhiều so với khu vực đô thị (21,5%) năm 2018. Các khảo sát đối với hộ gia đình có người di dân cũng cho thấy đa phần đồng ý với ý kiến di dân sẽ làm cho khu vực nông thôn không còn lao động có tay nghề học vấn. Bên cạnh, việc di dân cũng ảnh hưởng đến giáo dục của trẻ em, chỉ 79% trẻ em theo học tại các trường học tại nơi nhập cư. Bên cạnh, chất lượng cuộc sống của người lao động cũng bị ảnh hưởng như chủ yếu ở nhà thuê (89,2%), còn lại ở nhà người quen và công ty, cuộc sống tạm bợ khó tiếp cận các dịch vụ y tế, hòa nhập cuộc sống nơi đến, tham gia bảo hiểm xã hội,…

Kết quả dự báo cho thấy trên địa bàn tỉnh An Giang chủ yếu là di cư ngoại tỉnh, tình trạng di cư nội tỉnh khá thấp với tỷ trọng di cư nội tỉnh dao động chỉ khoảng 10% trong giai đoạn 2020 - 2025 và 2030, 90% còn lại là số người di cư ngoại tỉnh. Di cư nội tỉnh và ngoại tỉnh đều có xu hướng giảm trong giai đoạn 2020 - 2025 và 2030, trong đó nữ giới có xu hướng giảm nhiều hơn so với nam giới. Số lượng di cư trên địa bàn tỉnh An Giang chủ yếu ở nhóm tuổi thanh niên. Đây là nhóm tuổi trẻ, có mong muốn đi xa để thay đổi môi trường sống, để tìm kiếm cho mình những cơ hội việc làm tốt hơn ở nơi kinh tế thị trường phát triển và sôi động hơn.

Di dân nông thôn - đô thị đang là xu hướng di dân chủ đạo ở An Giang. Hiện tượng di dân không chỉ mang lại những tác động tích cực mà còn có những tác động tiêu cực đến vấn đề an sinh xã hội ở cả nơi đi và nơi đến. Do đó, để phát huy ảnh hưởng tích cực và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hiện tượng di dân trong giai đoạn tới, nghiên cứu cũng đề xuất 03 nhóm giải pháp liên quan chính sách về kinh tế để thu hút lao động tại chỗ và lao động có tay nghề, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, các chính sách đảm bảo an sinh xã hội cho người di dân và gia đình của họ ở cả nơi đi và nơi đến./.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ:

XÂY DỰNG QUY TRÌNH CHẾ BIẾN TRÀ HÒA TAN BẰNG CÔNG NGHỆ SẤY PHUN TỪ HẠT TRÁI TRÂM – TRI TÔN

ThS. Trịnh Thanh Duy, TS. Trần Nghĩa Khang
Trường Đại học An Giang

Tóm tắt

Nghiên cứu được tiến hành với mục tiêu xây dựng quy trình chế biến trà hạt trâm hòa tan với các thông số tối ưu ở quy mô phòng thí nghiệm thông qua việc khảo sát các nội dung chính sau: 1) Phân tích tính chất lượng của hạt trái trâm ở các mức độ chín khác nhau; 2) Khảo sát ảnh hưởng của quá trình nghiền thô và quá trình trích ly đến thành phần dinh dưỡng và giá trị cảm quan của sản phẩm; 3) Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng maltodextrin, gum arabic bổ sung và điều kiện sấy phun đến thành phần dinh dưỡng và giá trị cảm quan của sản phẩm. Ngoài ra, phương pháp pha chế trà hòa tan hạt trâm khi sử dụng và ý kiến người tiêu dùng cũng được khảo sát.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hạt trâm 35 ngày tuổi (từ lúc đậu trái) đạt chất lượng tốt nhất được nghiền thô 3 phút và trích ly ở nhiệt độ 90°C trong 20 phút, điều kiện sấy phun cho dịch trích hạt trâm là nhiệt độ đầu vào 160°C với tốc độ dòng nhập liệu cấp 2, nồng độ maltodextrin và gum arabic bổ sung lần lượt 30% và 1% là tối ưu. Sản phẩm trà hòa tan thu được có hàm lượng các hợp chất sinh học được giữ lại cao, các tính chất vật lý và giá trị cảm quan đạt tốt nhất khi trích ly trà trong nước nóng 80°C với tỉ lệ nguyên liệu/nước là 1/30. Trà hạt trâm được lấy ý kiến người tiêu dùng với những thông tin tích cực về chất lượng và tiềm năng thương mại hóa sản phẩm cao.

Từ khóa: Trái trâm Tri Tôn, trà hòa tan sấy phun, hợp chất sinh học.

1. Đặt vấn đề

Trái trâm *(Syzygium cumini)* được nhiều nghiên cứu chuyên ngành, uy tín trên thế giới chứng minh những lợi ích tuyệt vời cho sức khỏe, nhất là đối với phần hạt trâm. Theo Topal *et al.* (2011), hạt trâm có khả năng kháng khuẩn, chống oxy hóa mạnh, bảo vệ răng miệng và chống các bệnh viêm nhiễm trong đường ruột. Một loạt các nghiên cứu khác của Helmstader (2008), Kumar *et al.* (2010), Shrikant *et al.* (2012), Vinicyus *et al.* (2015) và Tupe *et al.* (2015) đã khẳng định các thành phần dinh dưỡng trong hạt trâm có khả năng hỗ trợ phòng ngừa và điều trị bệnh tiểu đường type 2 cho người sử dụng. Các nghiên cứu này cũng cho thấy hạt trâm có nhiều tiềm năng trong việc chế biến thành các sản phẩm thực phẩm giá trị cao.

Huyện Tri Tôn - An Giang đã thống kê tình hình trồng cây trâm trên địa bàn vào năm 2019, kết quả cho thấy cây trâm được trồng tập trung nhiều tại xã Núi Tô và Cô Tô, số lượng cây trâm có chu vi từ 1,5 m trở lên khoảng 1.300 cây. Mỗi năm cây trâm cho trái và được thu hoạch từ tháng 6 đến tháng 11. Người dân thu hoạch trái từ mỗi cây trưởng thành khoảng trên 200kg/năm, nên sản lượng trâm thu hoạch hằng năm ước lượng trên 260 tấn. Tuy nhiên, do trái trâm được thu hoạch đồng loạt và việc bảo quản cũng khó khăn nên lợi ích kinh tế đem lại cho

người dân không cao khi bán trái tươi. Do đó, những nghiên cứu chế biến các sản phẩm giá trị cao từ nguồn nguyên liệu này là cần thiết. Chính vì vậy, đề tài *"Xây dựng quy trình chế biến trà hòa tan bằng công nghệ sấy phun từ hạt trái trâm - Tri Tôn"* được thực hiện nhằm góp phần tạo thêm đầu ra cho người trồng trâm và phát triển kinh tế tại địa phương.

2. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương tiện

- Trái trâm được thu mua tại xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Máy sấy phun và các dụng cụ, thiết bị nghiên cứu khác tại phòng thí nghiệm Trường Đại học An Giang.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Bố trí thí nghiệm

Các thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên theo kiểu thừa số với 3 lần lặp lại, các số liệu biểu thị là giá trị trung bình. Kết quả tối ưu ở thí nghiệm trước làm thông số cố định cho thí nghiệm ở các công đoạn sau.

2.2.2. Quy trình chế biến dự kiến

Trái trâm ⇨ phân loại ⇨ rửa sạch ⇨ chần ⇨ chà tách thịt và lấy hạt ⇨ nghiền hạt ⇨ trích ly và lọc ⇨ phối chế chất mang ⇨ sấy phun ⇨ bao gói ⇨ thành phẩm.

2.3. Phương pháp phân tích số liệu

Kết quả thu được trong các thí nghiệm được thống kê bằng phần mềm Portable Statgraphic Centurion 15.2.11.0 nhằm phân tích phương sai ANOVA và kiểm định mức độ khác biệt ý nghĩa giữa các mẫu thông qua LSD ở độ tin cậy 95% ($P<0,05$).

3. Kết quả và thảo luận

3.1 Kết quả phân tích tính chất vật lý, giá trị cảm quan và thành phần dinh dưỡng của hạt trái trâm ở các mức độ chín khác nhau

Mức độ chín của trái trâm qua 4 mức ngày tuổi

Đề tài đã phân tích chất lượng hạt trâm ở các mức độ chín (ngày tuổi) khác nhau và các kết quả thống kê trong quá trình nghiên cứu thí nghiệm này đã cho thấy rằng, hạt trái trâm 35 ngày tuổi có độ chín phù hợp cho việc vận chuyển, bảo quản và có chất lượng tốt nhất để làm trà hòa tan. Cụ thể, hạt trâm 35 ngày tuổi có các thành phần dinh dưỡng quan trọng như sau: tanin 2,46 (mgTAE/g), polyphenol 4,79 (mgGAE/g), ẩm 52,86%, hàm lượng xơ 8,28%, đường tổng 6,34% và hàm lượng protein 7,42%.

3.2 Kết quả khảo sát ảnh hưởng của quá trình nghiền thô và quá trình trích ly đến thành phần dinh dưỡng và giá trị cảm quan của sản phẩm cuối

Hạt trái trâm được nghiền bằng máy nghiền thô trong 5 mức thời gian 1, 2, 3, 4 và 5 phút. Quá trình này giúp phá vỡ cấu trúc hạt, tạo điều kiện thuận lợi các chất trích ly thoát ra được dễ hơn. Kết quả cho thấy, hạt trâm được nghiền thô 3 phút là tối ưu. Sau đó, bột hạt trâm dạng thô được trích ly ở các mức nhiệt độ 70, 80, 90 và 100^{o}C trong 15, 20, 25 và 30 phút. Kết quả dịch trích ly thu được có các thành phần hoạt chất

sinh học cao nhất ở chế độ trích ly 90°C trong 20 phút. Khi đó, hàm lượng tanin đạt 49,69 mgTAE/g, polyphenol đạt 36,73 mgGAE/g và flavonoid đạt 187,41 mgQE/g.

3.3 Kết quả khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng maltodextrin, gum arabic bổ sung và điều kiện sấy phun (nhiệt độ đầu vào, tốc độ dòng nhập liệu) đến thành phần dinh dưỡng và giá trị cảm quan của sản phẩm cuối

Maltodextrin (20; 25; 30; 35; 40%) và gum arabic (0,5; 1; 1,5; 2%) là các mức nồng độ được khảo sát để bổ sung 2 chất mang này vào dịch trâm trích ly nhằm cải thiện chất lượng trà hòa tan hạt trâm thành phẩm. Kết quả nghiên cứu đã chọn ra được nồng độ maltodextrin 30% và gum arabic 1% là tối ưu nhất, tạo ra trà hòa tan có ẩm độ 7,29%, Aw 0,35 và độ hòa tan đạt được 96,32%. Sản phẩm có độ ẩm thấp giúp bảo quản được lâu và độ hòa tan cao giúp tăng các giá trị cảm quan cho dịch trà.

Quá trình sấy phun có ảnh hưởng nhiều đến chất lượng sản phẩm, đặc biệt là nhiệt độ đầu vào và tốc độ dòng nhập liệu. Quá trình này nếu được kiểm soát tốt sẽ giúp gia tăng các chất chức năng trong sản phẩm do các tế bào sinh học trong dịch trích ly tiếp tục bị phá vỡ, các hoạt chất sinh học được giải phóng ra bên ngoài nhiều hơn dẫn đến các hoạt chất này tăng lên đáng kể.

Kết quả thống kê trên bảng 1 trên đây và bảng 2 bên dưới cho thấy nhiệt độ và tốc độ dòng nhập liệu có ảnh hưởng ý nghĩa đến các hoạt chất sinh học trong trà hòa tan thành phẩm ($P < 0,05$). Nhiệt độ sấy đầu vào 160°C cho ra bột trà hạt trâm có hàm lượng tanin cao nhất 166,2 mgTAE/g nhưng mức nhiệt độ này lại gây phá hủy một phần polyphenol, flavonoid tạo thành và đạt giá trị lần lượt là 108,43 mgGAE/g và 54,34 mgQE/g. Bên cạnh đó, số liệu trong bảng 2 cho thấy tốc độ dòng nhập liệu cấp 2 (4 ml/phút) cho ra bột trà hạt trâm có tanin, polyphenol và flavonoid đạt lần lượt là 123,08 mgTAE/g, 105,01 mgGAE/g và 67,59 mgQE/g. Điều kiện sấy phun này chưa phải tối ưu nhất về hàm lượng các hoạt chất sinh học nhưng kết quả vẫn đạt mức cao. Hơn nữa, nhóm nghiên cứu nhận thấy trong quá trình thí nghiệm nếu hạ nhiệt độ đầu vào hoặc tăng tốc độ dòng nhập liệu để cải thiện hàm lượng hợp chất sinh học thì sẽ làm thành phẩm dễ bị kết dính trong quá trình bảo quản do tạo ra bột trà hạt trâm có ẩm độ, Aw cao và đường trong sản phẩm có xu hướng chuyển sang trạng thái vô định hình. Do đó, đây là điều kiện sấy phun phù hợp cho quy trình chế biến sau cùng.

4. Kết luận - đề nghị

4.1 Kết quả xây dựng quy trình chế biến sản phẩm trà hòa tan hạt trâm tối ưu

Bảng 1: Kết quả thống kê ảnh hưởng của nhiệt độ không khí sấy đầu vào (°C) đến các hợp chất sinh học của sản phẩm

Nhiệt độ đầu vào (°C)	Hàm lượng các hợp chất sinh học		
	Tannin (mgTAE/g)	Polyphenol (mgGAE/g)	Flavonoid (mgQE/g)
130	84,37^{a}	113,50^{c}	100,26^{e}
140	100,90^{b}	109,10^{b}	66,18^{d}
150	103,08^{b}	108,78^{b}	60,42^{c}
160	**166,20^{d}**	**108,43^{b}**	**54,34^{b}**
170	149,08^{c}	83,6^{a}	43,30^{a}
F	*1730,96*	*70,72*	*195,23*
P	*0,0000*	*0,0000*	*0,0000*

Bảng 2: Kết quả thống kê ảnh hưởng của tốc độ dòng nhập liệu đến các hợp chất sinh học

Tốc độ dòng nhập liệu - cấp độ (ml/phút)	Hàm lượng các hợp chất sinh học		
	Tannin (mgTAE/g)	Polyphenol (mgGAE/g)	Flavonoid (mgQE/g)
1 (2ml/phút)	81,73^{a}	88,30^{a}	47,71^{a}
1,5 (3ml/phút)	100,31^{b}	103,80^{b}	50,27^{a}
2 (4ml/phút)	**123,08^{c}**	**105,01^{b}**	**67,59^{b}**
2,5 (5ml/phút)	148,57^{d}	107,19^{b}	72,53^{c}
3 (6ml/phút)	149,94^{d}	119,11^{c}	86,39^{d}
F	*1262,55*	*59,72*	*109,40*
P	*0,0000*	*0,0000*	*0,0000*

Các hủ trà hòa tan hạt trâm thành phẩm và dịch trà sau khi pha chế

Trái trâm (35 ngày tuổi) ⇨ phân loại ⇨ rửa sạch ⇨ chần ⇨ chà tách thịt và lấy hạt ⇨ nghiền thô hạt (3 phút) ⇨ trích ly (90^{o}C, 20 phút) và lọc ⇨Phối chế chất mang (maltodextrin 30%, gum arabic 1%) ⇨ sấy phun (nhiệt độ đầu vào 160^{o}C, dòng nhập liệu cấp 2: 4 ml/phút) ⇨ bao gói ⇨ thành phẩm.

Trà hòa tan hạt trâm thành phẩm khi sử dụng nên được trích ly trong nước nóng 80^{o}C với tỉ lệ nguyên liệu/nước là 1/30. Cách pha chế này sẽ tạo ra dịch trà có các tính chất vật lý, giá trị dinh dưỡng và cảm quan đạt tốt nhất.

4.2 Đề nghị

Nghiên cứu thêm các biến đổi của sản phẩm trong quá trình bảo quản./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Helmstadter. (2008). *Syzygium cumini (L.) Skeels (Myrtaceae) Against Diabetes: 125 Years of Research*. Pharmazie, 63(2): pages 91-101.

Kumar, R. Ilavarasan, T. Jayachandran, M. Deecaraman, P. Aravindan, N. Padmanabhan and M. R. V. Krishan. (2010). *Anti-diabetic activity of Syzygium cumini and its isolated compound against streptozotocin-induced diabetic rats*. Journal of Medicinal Plants Research Vol. 2(9), pp. 246-249.

Shrikant Baslingappa Swami, Nayan Singh J. Thakor, Meghatai M. Patil, Parag M. Haldankar & Jamun. (2012). *(Syzygium cumini (L.) A Review of Its Food and Medicinal Uses*. Food and Nutrition Sciences, Vol 3, 1100-1117.

Topal, T. M., Da Silva, R., Gomes, E., Bolini, H. M. A., & Boscolo, M. (2011). *Evaluation of the use of Syzygium cumini fruit extract as an antioxidant additive in orange juice and its sensorial impact*. International journal of food sciences and nutrition, 63(3), 273-277.

Tupe, A. K., K. Adeshara, S. Shaikh, N. Shah. (2015). *Syzygium jambolanum and Cephalandra indica homeopathic preparations inhibit albumin glycation and protect erythrocytes*: an in vitro study of Homeopathy Pages 197-204.

Vinicyus Teles Chagas, Lucas França, Sonia Malik and Antonio Marcus Andrade Paes. (2015). *Syzygium cumini (L.) skeels: a prominent source of bioactive molecules against cardiometabolic diseases*. Frontier in Pharmacology, Vol 6, Article 259.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NÔNG THÔN MIỀN NÚI:

"ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KH&CN XÂY DỰNG MÔ HÌNH ƯƠNG GIỐNG VÀ NUÔI THƯƠNG PHẨM CÁ CHẠCH LẤU TẠI AN GIANG"

ThS. Phạm Hiếu Trinh
Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Cá chạch lấu là loài cá có kích thước tương đối lớn, thịt cá béo, có mùi vị thơm ngon, được xem là loài thủy sản đặc biệt có giá trị thương phẩm cao. Trên thị trường hiện nay có giá bán bình quân khoảng 400.000 đồng/kg ở kích cỡ 300 - 400g/con. Tại An Giang, các hộ nông dân nuôi cá chạch lấu chủ yếu bằng hình thức bè (lồng) và nhu cầu con giống chủ yếu ở kích thước lớn, nên nông dân có xu hướng sử dụng nguồn cá giống tự nhiên, tỉ lệ hao hụt trong quá trình nuôi trên 50% do chất lượng con giống không đảm bảo và chất lượng nước trong quá trình nuôi không được kiểm soát. Do đó, để phát triển thủy sản theo hướng bền vững và góp phần đa dạng loài cá nuôi nước ngọt của tỉnh cũng như giúp cho người nuôi chủ động nguồn giống, làm chủ công nghệ nuôi cá chạch lấu và tạo thêm việc làm cho người dân, dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu (Mastacembelus favus) tại tỉnh An Giang" được thực hiện theo Quyết định số 2838/QĐ-BKHCN ngày 28/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Dự án do Công ty TNHH TM DV Phố Thị 365 chủ trì, KS. Tạ Thanh Huy chủ nhiệm và Trường Đại học An Giang là tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ.

Dự án được thực hiện từ tháng 10/2019 đến tháng 9/2022 tại thành phố Long Xuyên, huyện Thoại Sơn và huyện Tri Tôn của tỉnh An Giang với 04 mục tiêu chủ yếu: (1)Tiếp nhận, chuyển giao các quy trình công nghệ về sản xuất giống và ương giống; nuôi thương phẩm cá chạch lấu; (2)Xây dựng mô hình sản xuất giống, ương giống cá chạch lấu với quy mô diện tích 3.000m^2, sản xuất được 1.000.000 cá giống có kích cỡ (chiều dài)10cm/con; (3)Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chạch lấu với quy mô diện tích 1,5 ha; năng suất đạt 15-20 tấn/ha, kích cỡ trung bình 300-350 g/con; (4)Đào tạo được 10 kỹ thuật viên thành thạo kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá chạch lấu thương phẩm và tổ chức tập huấn, tham quan đầu bờ 300 nông dân kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu.

Tiếp nhận chuyển giao các quy trình công nghệ về sản xuất giống, ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu từ Trường Đại học An Giang và sau hơn 3 năm thực hiện, dự án đã đạt một số kết quả sau:

- Kết quả mô hình sản xuất giống cá chạch lấu: mô hình được thực hiện tại Trại sản xuất giống của công ty (tại xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên).

+ Các yếu tố môi trường nước trong hệ thống nuôi, ấp trứng, ương giống đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cá chạch lấu. Nhiệt độ trong quá trình sản xuất giống dao động từ 25,25 - 30,76^{0}C, pH từ 7,66 - 8,56; hàm lượng oxy hòa tan từ 5,18 - 6,49 mg/L, không có sự biến động lớn giữa buổi sáng, buổi chiều trong cùng một đợt ương và giữa các đợt với nhau.

+ Cá chạch lấu có khối lượng trung bình từ 0,2 - 0,3kg/con được đưa vào nuôi vỗ, tổng số cá bố mẹ đưa vào nuôi vỗ là 4.196 con, tổng khối lượng là 1.024 kg. Sau khi vận chuyển về,

cá bố mẹ được tắm qua muối 2% trong 3-5 phút rồi thả nhẹ nhàng vào từng vèo đặt trong ao nuôi vỗ. Sau khi thuần dưỡng để quen dần với điều kiện ao nuôi, ăn tốt thức ăn được cho ăn thì bắt đầu vào ao nuôi vỗ. Cá bố mẹ được cho ăn thức ăn công nghiệp kết hợp với trùn quế, cá được cho ăn 2 lần/ngày (sáng, chiều). Sau 3 tháng nuôi vỗ, trên 80% cá bố mẹ thành thục hoàn toàn, sẵn sàng tham gia sinh sản.

+ Triển khai 6 đợt cho cá chạch lấu sinh sản với tổng số lượng cá bố mẹ là 7.926 con (3.963 con cái và 3.963 con đực) tương đương 435,9kg cá cái và 554,8kg cá đực. Tỉ lệ cá sinh sản trung bình giữa các đợt là 83,06%, tỉ lệ thụ tinh (tính từ giai đoạn phôi vị) trung bình 56,43%. Số lượng cá bột cả 06 đợt đạt 3.656.280 con, có tỉ lệ sống khi ương từ giai đoạn cá bột lên cá giống trung bình đạt 27,92% và thu được 1.034.000 con giống đạt kích cỡ 10cm chiều dài/con sau 3 - 4 tháng ương nuôi. Tổng số đợt sản xuất tại Trại thực nghiệm là 06 đợt với số lượng trứng thu được là 7.008.250 trứng với 3.656.289 cá bột được tạo ra. Các chỉ tiêu kỹ thuật đạt được đều đảm bảo theo yêu cầu chỉ tiêu dự án đặt ra.

+ Từ kết quả thực hiện trong thực tế với mô hình sản xuất giống cá chạch lấu có tổng chi phí đầu tư cho mô hình 3.643.574.680 đồng; sản lượng cá giống thu được 1.034.000 con. Với giá bán 5.000 đ/con. Tổng thu cho cả mô hình đạt 5.170.000.000 đồng. Lợi nhuận mang lại từ mô hình đạt 1.526.425.320 đồng.

- Kết quả mô hình nuôi thương phẩm cá chạch lấu: mô hình nuôi thương phẩm tại 02 điểm (01 điểm ở xã An Tức, huyện Tri Tôn nuôi 2 ao và 01 điểm ở xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn nuôi 1 ao). Kết quả đạt được như sau:

+ Các yếu tố môi trường trong quá trình nuôi tại các điểm có giá trị trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cá chạch lấu. Nhiệt độ dao động từ 27,45 - 30,69^{o}C; hàm

Ao nuôi thương phẩm cá chạch lấu

lượng oxy hòa tan từ 5,10 - 6,29 mg/L; pH từ 6,88-8,42; NH_3/NH_4+ ở các ao chỉ có 0,05mg/l.

+ Trong quá trình thực nghiệm nuôi cá chạch lấu, tỉ lệ sống của cá chạch lấu nuôi đạt dao động từ 70,5% - 74,5% (trung bình 72,5%) và không có sự chênh lệch lớn giữa các ao và giữa các điểm nuôi. Sau 12 tháng nuôi cá đạt khối lượng trung bình là 230g/con, sản lượng cá thương phẩm đạt được là 24,64 tấn cho tổng diện tích 15.000m^2, năng suất trung bình là 16,42 tấn/ha với hệ số tiêu tốn thức ăn trung bình ở các ao dao động chỉ trong khoảng 3,85 - 4,05 (trung bình là 3,93). Cá thu hoạch có chất lượng tốt, khỏe mạnh không dị tật, dị hình, đạt chỉ tiêu dự án đưa ra cũng như yêu cầu của thị trường.

+ Từ kết quả thực hiện trong thực tế với những mô hình hộ nuôi của dự án đã thu hoạch, tổng chi phí đầu tư cho mô hình 5.075.964.000 đồng. Với giá bán cá thịt từ 200.000 - 280.000đ/kg. Tổng thu cho cả mô hình nuôi là 5.989.200.000đồng (diện tích 1,5ha). Lợi nhuận mang lại từ mô hình nuôi cá chạch lấu 608.824.000 đồng/ha.

- Kết quả đào tạo cán bộ kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn nông dân

+ Đào tạo được đội ngũ gồm 10 cán bộ kỹ thuật nòng cốt am hiểu về 02 quy trình kỹ thuật

công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu, có khả năng tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh về các khó khăn, vướng mắc trong sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu.

+ Tổ chức 06 lớp tập huấn kỹ thuật quy trình kỹ thuật sản xuất giống, ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu cho 300 lượt người dân trên địa bàn tỉnh An Giang về kỹ thuật sản xuất giống, ương giống cá chạch lấu (đặc điểm sinh học cá chạch lấu; chuẩn bị ao nuôi vỗ cá bố mẹ và kỹ thuật nuôi vỗ cá bố mẹ; cho cá bố mẹ sinh sản; ấp trứng cá; ương cá bột lên cá hương, cá giống; phòng và trị bệnh trong quá trình sản xuất giống;…), kỹ thuật nuôi thương phẩm cá chạch lấu (thiết kế xây dựng bể nuôi; thả giống, chế độ cho ăn, chăm sóc quản lý; Phòng và trị bệnh cá thương phẩm;…).

- Hiệu quả KT-XH và môi trường của dự án:

+ Hiệu quả kinh tế: Dự án đã đào tạo được đội ngũ gồm 10 cán bộ kỹ thuật nòng cốt nắm bắt được kiến thức, làm chủ 02 quy trình kỹ thuật công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu và 300 lượt nông trên địa bàn hiểu biết, có thể ứng dụng các quy trình công nghệ. Việc ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến giúp cho doanh nghiệp tham gia dự án tiết kiệm chi phí và giảm giá thành sản xuất nâng cao thu nhập, lợi nhuận mang lại từ mỗi mô hình trên 500.000.000 đồng, hiệu quả kinh tế đã được minh chứng qua mô hình là sản xuất giống và mô hình nuôi thương phẩm.

+ Hiệu quả xã hội: Dự án đã tập huấn, đào tạo kỹ thuật về sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu cho 10 kỹ thuật viên cơ sở, 300 lượt nông dân về các kiến thức chuyên môn để ứng dụng vào thực thực tế sản xuất cá chạch lấu. Thông qua hiệu quả kinh tế từ 02 mô hình mang lại, là động lực để doanh nghiệp tiếp tục duy trì mở rộng sản xuất cũng như tuyên truyền, hỗ trợ

Tổ chức Hội đồng nghiệm thu ở địa phương

cho nhiều hộ nông dân khác tham gia nhân rộng phát triển nghề nuôi cá chạch lấu thương phẩm.

+ Hiệu quả về môi trường: Dự án cũng đã góp phần bảo vệ, phục hồi nguồn lợi thủy sản đang ngày càng cạn kiệt, hạn chế đánh bắt cá giống từ tự nhiên. Với việc triển khai xây dựng thành công các mô hình nuôi thương phẩm sử dụng phần lớn thức ăn công nghiệp hạn chế sử dụng nguồn cá tạp làm thức ăn đã giúp bảo vệ nguồn lợi thủy sản từ hoạt động đánh bắt.

Với những kết quả đạt được như trên, sáng ngày 06/10/2022, tại Phòng họp số 1, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang tổ chức họp Hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá, nghiệm thu ở địa phương kết quả thực hiện dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu (Mastacembelus favus) tại tỉnh An Giang" do Công ty TNHH TM DV Phố thị 365 chủ trì, KS. Tạ Thanh Huy chủ nhiệm. Hội đồng do ThS. Phan Văn Kiến (Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ) làm Chủ tịch Hội đồng, ThS. Võ Thị Thanh Vân (Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT) làm Phó Chủ tịch Hội đồng và PGS. TS. Lam Mỹ Lan (Trường Đại học Cần Thơ) và TS. Phạm Văn Khánh

(xem tiếp trang 26)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ ĐO LƯỜNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 15/2015/TT-BKHCN VÀ THÔNG TƯ SỐ 08/2018/TT-BKHCN TẠI AN GIANG

ThS. Lê Văn Duyên

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng An Giang

Nhằm đánh giá lại tình hình triển khai thực hiện quy định về đo lường tại Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường chất lượng trong kinh doanh xăng dầu và Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN ngày 15/6/2018 sửa đội bổ sung khoản 7, điều 6 của Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN, trong thời gian qua Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường, chất lượng An Giang đã triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả như sau:

- Chi cục đã tổ chức Hội nghị tập huấn Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN và Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN cho các công ty, tổng đại lý, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong tỉnh, tổng số đại biểu tham gia tập huấn là 290 người. Bên cạnh đó, phối hợp với Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố tổ chức 07 lớp tập huấn cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn.

- Chi cục cũng đã phát hành văn bản hướng dẫn về việc gắn thiết bị in chứng từ bán hàng cho cột đo xăng dầu (CĐXD) theo quy định của Thông tư 08/2018/TT-BKHCN đến các thương nhân phân phối, tổng đại lý xăng dầu trên địa bàn tỉnh. Phối hợp Công ty TNHH Việt khảo sát đánh giá sự phù hợp phê duyệt mẫu đối với CĐXD khi lắp đặt máy in hóa đơn; gửi văn bản phúc đáp đến Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang về kiểm định cột đo xăng dầu gắn thiết bị in chứng từ; tiếp nhận 91 văn bản đề nghị sửa chữa cột đo xăng dầu của thương nhân sử dụng cột đo xăng dầu; 110 bản cam kết khắc phục sự chưa phù hợp với mẫu được phê duyệt của cột đo xăng dầu.

- Nhìn chung, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn đều chấp hành tốt các quy định về đo lường trong kinh doanh xăng dầu được quy định, cụ thể: Thực hiện tốt các yêu cầu về đo lường theo quy định; chấp hành sự thanh tra, kiểm tra về đo lường theo quy định; tuân thủ các yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong quá trình thanh tra, kiểm tra theo quy định; thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để người có trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan có thể kiểm tra phương pháp đo, kết quả đo lượng xăng dầu cung cấp cho khách hàng; thực hiện việc lưu giữ hồ sơ đo lường theo quy định.

*** Công tác thanh tra, kiểm tra về đo lường trong kinh doanh xăng dầu trong giai đoạn 2016 - 2021**

Chi cục chủ trì thực hiện: tổ chức 03 cuộc kiểm tra đo lường đối với các cột đo xăng dầu tại 46 cửa hàng kinh doanh xăng dầu. Kết quả: sai số phép đo ngẫu nhiên cột đo xăng, dầu của hầu hết cửa hàng đều nằm trong mức cho phép. Tuy nhiên, trong đó có 01 cửa hàng trang bị bình đong, ca đong không đúng theo quy định;

Phối hợp cùng Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ: tham gia Đoàn thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa trong kinh doanh xăng dầu của Sở Khoa học và Công nghệ, thực hiện 05 cuộc thanh tra tại 104 doanh nghiệp.

Kết quả: 08 doanh nghiệp có trang bị ca đong, bình đong không đầy đủ theo quy định; 03 doanh nghiệp sử dụng cột đo xăng dầu có giấy chứng nhận kiểm định đã hết hiệu lực.

Bên cạnh đó, Chi cục cũng đã tham mưu Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Công thương và Cục Quản lý thị trường thực hiện 01 cuộc thanh tra liên ngành theo Kế hoạch số 55/KHLN ngày 03/07/2019 tiến hành thanh tra 26 tổ chức kinh doanh xăng dầu. Kết quả: Không vi phạm.

* Số liệu thống kê tổng số cửa hàng xăng dầu hiện có trên địa bàn tỉnh An Giang là trên 592 cửa hàng xăng dầu với trên 2.060 cột đo. (Nguồn: Sở Công thương An Giang). Thời gian qua các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đã tích cực triển khai thực hiện quy định với nhiều loại hình phương tiện, thiết bị ghi, in kết quả đo khác nhau như sau: gắn máy in, lắp hệ thống camera, thiết lập ứng dụng (App), cung cấp cho khách hàng hóa đơn giấy, hóa đơn điện tử... Với việc triển khai các loại hình phương tiện, thiết bị ghi, in kết quả đo nêu trên, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đã thực hiện đúng yêu cầu và mục đích của quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN. Theo tinh thần Công văn số 1216/TĐC-ĐL ngày 07/5/2019 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về thực hiện quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN, việc doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu cung cấp kết quả đo cho khách hàng khi có yêu cầu được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, không bắt buộc doanh nghiệp cung cấp kết quả đo thông qua máy in gắn trên cột đo xăng dầu, nên hiện nay Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng An Giang chưa có thống kê chính xác số lượng cửa hàng xăng dầu và số lượng cột đo xăng dầu đã thực hiện tối thiểu một trong các hình thức ghi, in kết quả đo.

Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng An Giang thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh

*** Đánh giá kết quả thực hiện**

Hoạt động quản lý nhà nước về đo lường đối với mặt hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh An Giang đã được Chi cục thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch được giao, phổ biến kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đến đối tượng quản lý và các cơ quan liên quan, góp phần bảo đảm về đo lường, góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Công tác thanh tra, kiểm tra đã góp phần phòng, ngừa, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm. Bên cạnh công tác thanh tra, kiểm tra còn kết hợp công tác tuyên truyền, nhắc nhở các tổ chức sản xuất, kinh doanh thực hiện các quy định của Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN, Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN về thiết bị ghi, in kết quả đo, lập sổ theo dõi, kiểm tra sai số cột đo, bồn bể; kiểm định bình đong, ca đong, cột đo xăng dầu đúng quy định và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành tại địa phương, góp phần nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh; nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được công tác quản lý nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh An Giang vẫn còn những hạn chế cần được sớm khắc phục, đó là:

- Nguồn nhân lực cho hoạt động đo lường tại các doanh nghiệp trên địa bàn còn thiếu, yếu và ít được đào tạo cơ bản cũng như chuyên sâu về nghiệp vụ đo lường, còn nhiều hạn chế về năng lực quản lý và trình độ kỹ thuật nghiệp vụ, chưa đáp ứng được hoạt động đo lường tại các doanh nghiệp.

- Công tác tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng đôi khi còn nặng về hình thức, chưa sáng tạo, sâu sát.

Hiện nay vẫn còn một số doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh An Giang chưa quan tâm đúng mức đến quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, các phương tiện đo còn cũ kỹ, lạc hậu, chưa thay thế mới. Vì vậy, tình trạng có các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đo lường vẫn còn diễn ra ở một vài nơi trên địa bàn tỉnh nhất là vùng sâu, vùng xa.

- Tồn tại hạn chế khó khăn

Hiện nay, quy định việc thanh tra, kiểm tra về đo lường, chất lượng theo kế hoạch cần phải có thông báo trước với các cơ sở kinh doanh bán lẻ xăng dầu hoặc quy định chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi cơ sở 1 lần trong năm. Điều này có thể dẫn đến tình trạng các cơ sở có sai phạm, gian lận về đo lường hoặc chất lượng hàng hóa có thể thực hiện các biện pháp đối phó khiến mục tiêu quan trọng của hoạt động thanh, kiểm tra không đạt được.

Việc gửi các văn bản đề nghị sửa chữa cột đo xăng dầu của doanh nghiệp đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chưa thực hiện tốt, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý về đo lường tại địa phương, cũng như trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp.

Thời gian ban hành Công văn số 1216/TĐC-ĐL ngày 07/5/2019 chậm gây ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền thực hiện các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý tại địa phương, doanh nghiệp sẽ có tâm lý chờ đợi hướng dẫn sau cùng mới thực hiện./.

(tiếp theo trang 23)

(Nguyên Giám đốc Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ) làm Thành viên phản biện, cùng các thành viên Hội đồng đến từ Văn phòng UBND tỉnh An Giang, Chi cục Thuỷ sản An Giang, Trung tâm Giống thuỷ sản An Giang, Hội nông dân An Giang cùng các đại biểu là đại diện các Phòng, đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tham dự Hội đồng. Các thành viên Hội đồng đánh giá cao và thống nhất nghiệm thu ở địa phương kết quả thực hiện dự án với số điểm được xếp loại Khá. Chủ nhiệm dự án cần chỉnh sửa báo cáo theo các góp ý của Hội đồng và sớm gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để hoàn thành các thủ tục và chuẩn bị các nội dung tiếp theo.

Nhìn chung, các mô hình của dự án đã ứng dụng thành công công nghệ ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu được chuyển giao vào thực tiễn sản xuất với tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật đều tương đương hoặc vượt yêu cầu đã đặt ra. Kết quả này không chỉ khẳng định Tổ chức chủ trì dự án đã thành công trong việc tiếp nhận công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu mà còn hoàn toàn có khả năng chủ động tổ chức, triển khai nhân rộng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu vào thực tiễn sản xuất để góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân cũng như đưa ngành thủy sản tại tỉnh An Giang phát triển xa hơn nữa./.

KỶ NIỆM 190 NĂM THÀNH LẬP TỈNH AN GIANG (1832-2022):

KẾT QUẢ HỘI THẢO KHOA HỌC AN GIANG 190 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU, ngày 11/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức Kỷ niệm 190 năm Thành lập tỉnh An Giang (1832 - 2022); Kế hoạch số 45-KH/TU, ngày 31/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về việc tổ chức Hội thảo khoa học "An Giang 190 năm hình thành và phát triển"; ngày 29/7/2022 Hội thảo đã được tổ chức trang trọng tại Hội trường tỉnh với sự tham dự gần 300 đại biểu là các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và nguyên ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đại biểu Trung ương, đại biểu các tỉnh, thành khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, lãnh đạo và nguyên lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương.

Mục đích của Hội thảo nhằm thiết thực chào mừng Kỷ niệm 190 năm thành lập tỉnh An Giang; khẳng định vị trí, vai trò và những đóng góp to lớn của vùng đất và con người An Giang trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc; tiếp tục tôn vinh các giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống yêu nước và cách mạng của người dân An Giang; thể hiện tình cảm, đạo lý uống nước nhớ nguồn đối với các bậc tiền nhân đã có công dựng nước và giữ nước; qua đó, khơi dậy lòng tự hào của mỗi người dân An Giang quyết tâm xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh, đời sống nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Ban Tổ chức đã nhận được 167 bài tham luận của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong và ngoài tỉnh. Ban Tổ chức tiến hành 2 vòng thẩm định kỹ càng, nghiêm túc, khách quan và đã chọn ra 96/167 bài tham luận (chiếm 57,4%) có tính chất tiêu biểu để phục vụ Hội thảo; trong đó, có 63 bài của đại biểu trong tỉnh, 33 bài của đại biểu ngoài tỉnh. Trong 96 bài được chọn, có bài của 02 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bài của 01 đồng chí nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 01 GS.TS, 06 PGS.TS, 19 tiến sĩ, 35 thạc sĩ... Đa số các tham luận của các tác giả đều bám sát chủ đề do Ban Tổ chức đề ra, bài viết có sự đầu tư công phu, nghiêm túc, có hàm lượng khoa học cao, thể hiện tình cảm, tấm lòng tri ân của thế hệ hôm nay đối với công lao to lớn của các bậc tiền nhân trong quá trình hình thành và phát triển của tỉnh.

Kế thừa những kết quả nghiên cứu về tỉnh An Giang thời gian qua; cập nhật các tư liệu mới được công bố, với tinh thần khoa học, các tham luận đã tập trung phân tích, luận chứng sâu sắc ở từng nội dung, vấn đề theo chủ đề Hội thảo đặt ra xoay quanh 6 nhóm vấn đề sau: (1)Quá trình hình thành, di dân, lập ấp, chính sách khai hoang, mở rộng các dinh điền, phát triển KT-XH thời nhà Nguyễn; (2)Công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ quê hương đất nước của quân và dân An Giang qua các thời kỳ lịch sử; (3)Những danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh gắn liền với vùng đất An Giang;

Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh An Giang Nguyễn Thanh Bình phát biểu đề dẫn hội thảo

[4]Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh An Giang qua 92 năm hình thành và phát triển; [5]Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá trên địa bàn; [6]An Giang đổi mới, hội nhập và phát triển.

Tại Hội thảo, ngoài phát biểu chào mừng, đề dẫn và tổng kết Hội thảo, các đại biểu đã nghe trình bày 9 tham luận có tính chất tiêu biểu và nhiều ý kiến tham gia thảo luận, phát biểu tại Hội trường. Nội dung các tham luận và thảo luận có chất lượng cao, hết sức phong phú, đa dạng, đề cập nhiều phương diện, góc độ khác nhau của chủ đề Hội thảo đặt ra. Các tham luận đã thể hiện phương pháp tiếp cận đa chiều, trên quan điểm hệ thống, toàn diện, lịch sử cụ thể, quan điểm thực tiễn, đổi mới và phát triển; có ý nghĩa tư tưởng chính trị sâu sắc, có hàm lượng khoa học cao, phản ánh thực tiễn đa dạng, phong phú trong chặng đường 190 năm hình thành và phát triển của Tỉnh. Trong đó, các ý kiến về ngày, tháng, năm thành lập Tỉnh được dành nhiều thời gian, bàn thảo dân chủ, kỹ càng, thấu đáo, nghiêm túc.

Qua các tài liệu, sử liệu sưu tầm phục vụ Hội thảo, nội dung các tham luận và ý kiến phát biểu trao đổi, thảo luận đều thống nhất khẳng định: Theo sách "Đại Nam thực lục chính biên" ghi nhận 190 năm trước, vào ngày mùng 1 tháng 10 năm Nhâm Thìn (1832), năm Minh Mệnh thứ 13, trong buổi thiết triều, sau khi nghe Bộ Lại trình tấu, vua Minh Mệnh đã chỉ dụ bãi bỏ Gia Định Thành, đổi "ngũ trấn" thành "lục tỉnh", quyết định thành lập 12 tỉnh từ Quảng Nam đến Hà Tiên cùng thời điểm, trong đó có tỉnh An Giang.

Đối chiếu với lịch vạn niên, ngày mùng 1 tháng 10 năm Nhâm Thìn (1832) nhằm ngày 22/11/1832 (dương lịch). Vì vậy, có đủ cơ sở khoa học và thực tiễn để khẳng định, tỉnh An Giang được vua Minh Mệnh quyết định thành lập vào ngày 22/11/1832./.

KỶ NIỆM 190 NĂM THÀNH LẬP TỈNH AN GIANG (1832-2022):

VIỆC THÀNH LẬP TỈNH AN GIANG NĂM 1832 QUA GHI NHẬN CỦA QUỐC SỬ QUÁN NHÀ NGUYỄN

Trần Văn Đông
Hội Khoa học Lịch sử An Giang

Để thực hiện chính sách Trung ương tập quyền, từ năm 1831 vua Minh Mạng cho thành lập các tỉnh phía Bắc từ Lạng Sơn đến Quảng Trị xóa bỏ chức Tổng trấn Bắc thành. Ở Nam Bộ do Lê Văn Duyệt còn đương chức chưa thực hiện được, đến tháng 7 năm 1832, Lê Văn Duyệt mất. Chớp lấy cơ hội này, thông qua đề xuất của bộ Lại, vua Minh Mạng quyết định xóa Gia Định thành và 5 trấn, chỉ dụ thành lập 12 tỉnh từ Quảng Nam vào Nam Bộ trong đó có tỉnh An Giang. Đây là một đợt cải cách hành chánh lớn thời Minh Mạng.

Việc thành lập tỉnh An Giang được các sách sử do Quốc sử quán triều Nguyễn ghi nhận như sau:

I- Các sách sử ghi chép về việc lập tỉnh An Giang năm 1832:

1- Sách ***Đại Nam nhất thống chí,*** tập 5:

"Xưa là vùng đất Tầm Phong Long, năm Đinh Sửu thứ 19 (1757) đời Thế Tông, quốc vương Chân Lạp Nặc Tôn dâng đất này, đặt làm đạo Châu Đốc; vì đất ấy nhiều chỗ bỏ hoang, đầu đời Gia Long mộ dân đến ở, gọi là Châu Đốc tân cương, đặt quản đạo, lệ vào tỉnh Vĩnh Long; năm Minh Mạng thứ 13, lấy đất này cùng với huyện Vĩnh An đặt làm hai phủ Tuy Biên và Tân Thành, đặt 4 huyện là Tây Xuyên, Phong Phú, Đông Xuyên và Vĩnh An (Tây Xuyên và Phong Phú thuộc phủ Tuy Biên; Đông Xuyên và Vĩnh An thuộc phủ Tân Thành), lập tỉnh An Giang, đặt chức An Hà tổng đốc, thống lãnh 2 tỉnh An Giang và Hà Tiên..."[1].

Qua đoạn tư liệu trên ghi nhận tỉnh An Giang thành lập đầu tiên năm 1832, nhưng chưa xác định cụ thể được ngày tháng thành lập.

2- Sách ***Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sử Lệ***, tập III:

"Minh Mạng năm thứ 13 (1832), trích đồn Châu Đốc ở tỉnh Vĩnh Long đặt làm tỉnh An Giang; đem 2 huyện Vĩnh An, Vĩnh Định thuộc phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long lệ thuộc vào. Năm ấy đặt thêm 2 huyện: Tây Xuyên, Phong Phú ..."[2]

Đoạn sách ghi chép trên cũng chỉ xác định năm thành lập tỉnh An Giang là năm 1832, chưa ghi ngày tháng cụ thể.

3- Sách ***Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu***, ghi nhận việc bổ nhiệm Tổng đốc An Hà đầu tiên sau khi lập tỉnh: Tháng 11 năm 1832 *"Cho nguyên Tổng đốc Sơn- Hưng-Tuyên là Lê Đại Cương làm Tổng đốc An Hà, kiêm lãnh ấn bảo hộ Chân Lạp"*[3] . Sách này cũng chưa ghi nhận ngày lập tỉnh An Giang.

4- Sách ***Minh Mệnh chính yếu***, chép như sau:

"Kế đến năm thứ 13 lại chia đặt từ Quảng Nam trở về Nam làm 12 tỉnh là: Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Biên Hòa, Phiên An, Vĩnh Long,

Định Tường, An Giang và Hà Tiên; liệu đặt các chức Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh sứ, Án sát sứ và Lãnh binh như trên"[4].

Sách này cũng ghi nhận việc lập 12 tỉnh năm 1832, nhưng chưa có ngày cụ thể.

5- Sách ***Đại Nam thực lục chính biên***, Đệ nhị kỷ VII, ghi nhận như sau:

Năm Nhâm Thìn, Minh Mệnh thứ 13 (1832) mùa Đông tháng 10 ngày mùng 1…làm lễ đông hưởng … Bắt đầu chia hạt, đặt quan từ Quảng Nam trở vào Nam.

Vua Minh Mệnh dụ Bộ Lại rằng:

"Việc chia hạt đặt quan ở Bắc kỳ, hiện đã quy định xếp đặt thi hành rồi, vậy Nam kỳ từ Quảng Nam đến Gia Định cũng nên theo các tỉnh từ Quảng Trị trở ra Bắc, đặt các chức tổng đốc, tuần phủ, bố chánh, án sát và lãnh binh để tỏ ra có sự thống nhất"[6].

Bộ Lại trình tấu đề xuất lập tỉnh An Giang như sau:

"... Gia Định thành, tổng trấn và các chức trấn thủ, hiệp trấn, tham biện ở các trấn đều nên bỏ đi, vả lại một hạt Gia Định gần thì liền với Chân Lạp là thuộc quốc, xa thì lân cận với Xiêm La là láng giềng, mà đất Châu Đốc lại là nơi xung yếu. Nhưng dân cư chưa được đông đúc, địa lợi chưa được mở mang, gần đấy có Vĩnh Long, đất rộng, dân giàu, hơn cả mọi hạt. Vậy xin tách lấy hai huyện Vĩnh An và Vĩnh Định thuộc Vĩnh Long, gộp với đất Châu Đốc, lập làm tỉnh An Giang; đặt một viên tổng đốc đại thần kiêm lãnh quả ấn bảo hộ nước Chân Lạp. Phàm các công việc vỗ về người xa, phòng ngừa giặc ngoài đều giao cho cả. Đã có trọng binh để mạnh về mặt quân sự, có nhiều kho tàng đề phòng lúc cần dùng, lại tuyên dương đức ý triều đình để vỗ về dân chúng, sửa việc quân chính để trấn áp kẻ địch, thì bờ cõi ta được bền vững, thuộc quốc càng tin theo, nước láng giềng lại càng sợ phục". Rồi bộ Lại đem những điều nghĩ định kê rõ tâu lên[7] .

Vua Minh Mệnh chỉ dụ cho thành lập 12 tỉnh từ Quảng Nam đến Hà Tiên cùng ngày, trong đó có tỉnh AN GIANG như sau:

"Tỉnh An Giang: thống trị 2 phủ Tân Thành, Tuy Biên và 4 huyện Vĩnh An, Vĩnh Định, Đông Xuyên, Tây Xuyên. Nguyên đất Châu Đốc và lấy hai huyện Vĩnh An, Vĩnh Định, ở phủ Định Viễn thuộc Vĩnh Long đổi làm tỉnh An Giang, ở mé Đông sông Hậu Giang đặt huyện Đông Xuyên, lấy những thôn ấp mới lập đặt làm 1 tổng, lại lấy 2 tổng thuộc huyện Vĩnh Định cho lệ thuộc vào. Ở mé Tây sông Hậu Giang đặt huyện Tây Xuyên, trích lấy 4 tổng huyện Vĩnh An cho lệ thuộc vào. Lấy hai huyện Đông Xuyên và Tây Xuyên đặt làm phủ Tuy Biên; hai huyện Vĩnh An và Vĩnh Định đặt làm phủ Tân Thành"[8].

Như vậy, vào ngày mùng 1 tháng 10 năm Canh Thìn (1832), tên tỉnh An Giang xuất hiện theo đề xuất của bộ Lại và được vua Minh Mạng chỉ dụ cho thực hiện. Còn việc bổ nhiệm, sắp đặt quan chức, chia cắt địa giới...các bộ chủ quản thực hiện sau đó.

Nếu căn cứ vào ngày mùng 1 tháng 10 Nhâm Thìn và đối chiếu lịch Vạn niên cho ta biết chính xác là nhằm ngày 22 tháng 11 năm 1832 - ngày lập tỉnh An Giang cách nay tròn 190 năm.

II- Đề xuất chọn ngày kỷ niệm lập tỉnh An Giang:

Theo tôi, ngày mùng 1 tháng 10 năm Nhâm Dần (1832) nhằm ngày 22 tháng 11 năm 1832 là ngày vua Minh Mạng cho chỉ dụ lập tỉnh An Giang cũng như 11 tỉnh khác từ Quảng Nam trở vào. Cho nên tôi đề nghị lãnh đạo tỉnh An Giang

xem xét chọn ngày này kỷ niệm sự kiện tỉnh An Giang được thành lập 190 năm (22/11/1832 – 22/11/2022) với các nội dung phong phú, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử tỉnh nhà trong các tầng lớp nhân dân biết và hưởng ứng thực hiện./.

Sách tham khảo:

- Quốc Sử quán Triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, NXB Thuận Hóa Huế - 1992.
- Quốc sử quán Triều Nguyễn, Đại Nam thực lục Chính Biên, NXB Khoa học- Hà Nội- 1964.
- Nội các Triều Nguyễn, Khâm Định Đại Nam Hội điển sử lệ, NXB Thuận Hóa- 2005.
- Quốc Sử quán Triều Nguyễn, Quốc triều Chính biên toát yếu, NXB Thuận Hóa Huế-1998.
- Quốc Sử quán Triều Nguyễn, Minh Mạng chính yếu, NXB Thuận Hóa Huế-2010.

Chú thích:

[1]Quốc sử quán triều Nguyễn , Đại Nam nhất thống chí tập 5, NXB Thuận Hóa Huế- 1992, trang 158.

[2]Trung tâm KHXH và Nhân Văn Quốc Gia- Viện Sử học, "Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ", NXB Thuận Hóa- 2005, trang 31.

[3]Quốc Sử quán triều Nguyễn, Quốc triều Chính biên toát yếu, NXB Thuận Hóa Huế - 1998, trang 206.

[4]Quốc sử quán triều Nguyễn, Minh Mệnh chính yếu, NXB Thuận Hóa- 2010, trang 175.

[5]Đại Nam thực lục tập XI, Chính biên Đệ nhị kỷ VII, NXB Khoa Học Hà Nội- 1964.

[6]Đại Nam thực lục tập 11, Chính Biên Đệ nhị kỷ, NXB Khoa học Hà Nội- 1964, trang 201.

[7]Đại Nam thực lục tập 11, Chính Biên Đệ nhị kỷ, NXB Khoa học Hà Nội- 1964, trang 201, 202.

[8]Đại Nam thực lục tập 11, Chính Biên Đệ nhị kỷ, NXB Khoa học Hà Nội- 1964, trang 203, 204.

(tiếp theo trang 12)

nghệ liên tục thay đổi và phát triển; ứng dụng các nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng các công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- *Về y tế:* ứng dụng, triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, kết nối liên thông với các hệ thống thông tin khám chữa bệnh; ứng dụng nhắn tin thông báo về thông tin sức khỏe cho người dân trên hệ thống hồ sơ sức khỏe cá nhân; phát triển nền tảng hỗ trợ khám, tư vấn, chữa bệnh từ ở xa; hoàn thiện hệ thống kết nối trực tuyến với các bệnh viện lớn của vùng, cả nước để nâng cao năng lực điều trị, chất lượng khám, chữa bệnh; từng bước xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh, bệnh viện thông minh, hệ thống chăm sóc sức khỏe và y tế công cộng dựa trên nền tảng công nghệ số.

- *Về văn hóa:* ứng dụng công nghệ và triển khai trên không gian mạng các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng hình ảnh văn hóa và con người An Giang và quảng bá hình ảnh địa phương.

Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức, tiếp theo là ứng dụng KH&CN trong chuyển đổi số. Mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cần tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, hướng đến lợi ích của người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của các cấp chính quyền gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội./.

ĐIỂM TIN KHOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP HUYỆN THÁNG 9 - 10 NĂM 2022

1. Thành phố Châu Đốc

- Tiếp tục phối hợp với Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở "Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu, tên thương mại tại một số cơ sở sản xuất, kinh doanh mắm trên địa bàn thành phố Châu Đốc": Trung tâm đã nộp báo cáo tổng kết nhiệm vụ để chuẩn bị tổ chức đánh giá nghiệm thu.

- Trình Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở *"Ứng dụng chủng men Aspergiluss oryzace để ủ ra vi sinh vật Bacillus spp. và enzyme Lipase để xử lý môi trường nước nuôi cá rô (Anabas testudineus sp.) thâm canh trong ao đất và sử dụng một phần nước thải từ nuôi cá rô để nuôi ốc bưu đen (Pila conica)"*.

2. Huyện Chợ Mới

- Tổ chức Hội nghị triển khai các văn bản pháp luật về KH&CN năm 2022 tại Hội trường UBND thị trấn Chợ Mới với khoảng 120 đại biểu tham dự.

- Phối hợp với Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN kiểm định cân đồng hồ lò xo (cân cấp 4) tại chợ thị trấn Chợ Mới và Chợ Trung tâm thương mại Mỹ Luông, kết quả: kiểm định được 150 cân.

- Tham gia Hội thảo tổng kết kết quả thực hiện các Chương trình KH&CN trọng điểm theo Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của UBND tỉnh An Giang do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức.

- Đề cử Công ty TNHH MTV và DV Thái Minh Nguyên (Xưởng sản xuất dược liệu Thái Minh Nguyên) tham gia xét chọn và vinh danh "Doanh nghiệp Việt Nam điển hình sáng tạo lần thứ 5 năm 2022".

3. Thành phố Long Xuyên

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện 03 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: (1) Đánh giá thực trạng và khả năng phục hồi của doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ trong bối cảnh dịch Covid-19 tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; (2) Nghiên cứu quy trình chế biến kẹo ngậm và siro sâm đại hành; (3) Đánh giá khả năng phục hồi sinh kế của các hộ gia đình dưới tác động của sạt lở bờ sông trên địa bàn thành phố Long Xuyên. Tổ chức xét duyệt đề cương chi tiết 02 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: (1)Xây dựng quy trình chế biến sản phẩm nhang sạch bổ sung bột lá Chúc giàu tinh dầu có lợi cho sức khỏe; (2)Sinh kế và khả năng thích ứng với đại dịch Covid-19 của lao động tự do trên địa bàn thành phố Long Xuyên.

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước (Bộ Khoa học và Công nghệ) tổ chức Đoàn kiểm tra định kỳ nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia "Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khai thác và sử dụng nguồn nước hợp lý để phát triển bền vững KT-XH trên địa bàn tỉnh An Giang và vùng phụ cận trong bối cảnh phát triển thượng nguồn Mekong và biến đổi khí hậu".

(xem tiếp trang 35)

HỘI THẢO KHOA HỌC ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ KHU VỰC PHÍA NAM

Để phát huy vai trò của khoa học công nghệ trong việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đẩy mạnh phát triển ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh, cũng như của khu vực phía Nam. Đồng thời, nhằm thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, cũng như trao đổi, thảo luận liên quan đến cơ chế, chính sách trong hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; nhu cầu ứng dụng công nghệ trong một số lĩnh vực của các địa phương trong vùng.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang đã phối hợp với Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội thảo khoa học "Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ tại khu vực phía Nam". Phó Cục trưởng phụ trách Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ là Ông Phạm Thế Dũng và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ An Giang là Ông Tằng Phú An đồng chủ trì hội thảo; cùng tham dự gồm có gần 100 đại biểu là lãnh đạo các Sở Khoa học và Công nghệ 13 tỉnh phía Nam, miền Trung và đại diện các Sở, ban ngành tỉnh An Giang đã đến dự.

Tại hội thảo, các đại biểu được nghe một số kết quả trong hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ tại An Giang; tổng hợp hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ

Đại diện Sở KH&CN An Giang Báo cáo tham luận tại Hội thảo

tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giai đoạn 2017 - 2021; một số kết quả trong hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ tại tỉnh Tiền Giang; thực trạng, giải pháp thúc đẩy hoạt động ứng dụng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ tại các tỉnh ĐBSCL; chính sách hỗ trợ hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; chia sẻ kinh nghiệm hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ hai tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Đồng thời, trao đổi, thảo luận cơ chế, chính sách trong hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; nhu cầu ứng dụng công nghệ trong một số lĩnh vực của các địa phương trong vùng ĐBSCL.

Trong khuôn khổ hội thảo, Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã đi khảo sát một số tổ chức sản xuất, kinh doanh có nhu cầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh như: Công ty TNHH Công nghệ sau thu hoạch

(xem tiếp trang 39)

KẾT QUẢ THANH TRA VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG VÀ NHÃN HÀNG HÓA TRONG KINH DOANH XĂNG DẦU

Thời gian qua, tình hình buôn lậu và gian lận thương mại mặt hàng xăng dầu diễn biến phức tạp, nhất là tình trạng pha trộn, tiêu thụ xăng, dầu kém chất lượng tiếp tục xảy ra tại một số tỉnh, thành phố. Hiện trên địa bàn tỉnh An Giang có trên 500 cơ sở kinh doanh xăng dầu. Nhằm quản lý và theo dõi nắm bắt tình hình hoạt động bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu qua đó đã kịp thời phát hiện chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu, góp phần bảo vệ quyền và lợi ít chính đáng của người tiêu dùng. Ngày 08/8/2022 Giám đốc Sở KH&CN đã ban hành Quyết định số 194/QĐ-SKHCN về việc thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa trong kinh doanh xăng dầu (đợt 2). Nội dung thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hoá trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đo lường trong kinh doanh xăng dầu như: chứng chỉ kiểm định, kiểm tra sai số phương tiện đo, trang bị bình đong, ca đong; thực hiện lấy mẫu xăng dầu để kiểm tra chất lượng; ghi nhãn hàng hoá trên cột đo xăng dầu và các quy định pháp luật khác trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu).

Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại 12 tổ chức kinh doanh xăng dầu ở các huyện thị

Thực hiện kiểm tra về đo lường tại doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu

thành trong tỉnh, kết quả cụ thể như sau:

- Về thủ tục hành chính: 12 tổ chức kinh doanh đều có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, hợp đồng mua bán xăng dầu với các tổng đại lý, thương nhân phân phối xăng dầu.

- Về trang bị ca đong, bình đong: 12 tổ chức có trang bị bình đong 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít đã được kiểm định ban đầu.

- Kiểm tra sai số đo lường: kiểm tra thực tế 28 cột đo xăng dầu đang sử dụng (16 cột đo xăng RON 95-III, 12 cột đo dầu DO 0,05S). Kết quả: 28 cột đo xăng dầu của 12 tổ chức được kiểm tra đều có sai số đạt yêu cầu.

- Về kiểm định cột đo nhiên liệu: các tổ chức kinh doanh sử dụng các phương tiện đo

nhiên liệu (cột đo xăng, dầu) đều có Giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định còn thời hạn hiệu lực.

- Về chất lượng: Đoàn thanh tra đã lấy 05 mẫu xăng RON 95-III và 02 mẫu dầu DO 0,05S đang kinh doanh để thử nghiệm chất lượng. Gửi 04 mẫu xăng RON 95-III thử nghiệm chất lượng tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (kết quả phân tích có 01 mẫu xăng RON 95-III có trị số Octan (RON) không phù hợp với QCVN 1:2015/BKHCN, đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; test nhanh 01 mẫu xăng RON 95-III và 02 mẫu dầu DO 0,05S bằng máy test nhanh (kết quả có trị số Octan và Cetan đạt yêu cầu).

- Về nhãn hàng hoá: 12 tổ chức được thanh tra thực hiện ghi nhãn trên cột đo nhiên liệu theo đúng quy định.

- Về lưu giữ hồ sơ chất lượng: tại thời điểm thanh tra có 09 tổ chức đã xây dựng và duy trì hồ sơ hệ thống quản lý chất lượng, 03 tổ chức chưa cung cấp được hồ sơ hệ thống quản lý chất lượng, nhưng sau đó 03 tổ chức này đã cung cấp bổ sung cho Đoàn thanh tra.

Trong thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ giao Thanh tra Sở tiếp tục thực hiện công tác thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng đồng thời tạo môi trường kinh doanh lành mạnh./.

Tiếp Thu

(tiếp theo trang 32)

- Thực hiện Chương trình phối hợp giữa Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ với Thành ủy Long Xuyên giai đoạn 2021 - 2025, đến nay đã tổ chức triển khai thực hiện 04 dự án theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh: [1]Xây dựng mô hình sản xuất giống cá Chạch lấu; [2]Xây dựng mô hình sản xuất và nuôi thương phẩm cá Chạch lấu; [3]Xây dựng mô hình sản xuất giống cá Trèn Bầu; [4]Xây dựng mô hình sản xuất và nuôi thương phẩm cá Trèn Bầu. Triển khai nhân rộng 02 mô hình NNCNC: [1] Trồng sung Mỹ theo hướng công nghệ cao; [2]Trồng nho theo giàn gắn với du lịch sinh thái./.

Phòng Kế hoạch - Tài chính
Sở KH&CN An Giang

KẾT QUẢ THANH TRA VỀ TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG VÀ NHÃN HÀNG HÓA TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH THIẾT BỊ ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ DÂY CÁP ĐIỆN

Trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay có nhiều cơ sở kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện có quy mô khác nhau, các cơ sở kinh doanh lớn thường tập trung tại các trung tâm mua sắm của các huyện, thị, thành phố và các cơ sở kinh doanh nhỏ thường ở các chợ phường, xã hoặc các nơi đông dân cư. Trong thời gian qua, qua quá trình kiểm tra, khảo sát hàng hóa lưu thông trên thị trường vẫn còn tình trạng các cơ sở kinh doanh sản phẩm điện, điện tử có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; không gắn dấu hợp quy (CR) trên sản phẩm hoặc ghi nhãn hàng hóa không đúng quy định.

Nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng và các cơ sở kinh doanh chân chính, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) phối hợp với Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ cùng các Phòng Kinh tế TP. Long Xuyên và TP. Châu Đốc triển khai cuộc thanh tra về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện trên địa bàn tỉnh. Từ đó, góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành các quy định pháp luật của các tổ chức kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa trên thị trường, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện.

Hiện nay, hoạt động kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện trên địa bàn tỉnh An Giang cơ bản ổn định. Các cơ sở kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện chủ yếu như: Siêu thị Điện máy xanh, Cửa hàng Điện máy Chợ Lớn, Siêu thị Điện máy Nguyễn Kim, Công ty TNHH MTV TM DV Thanh Niên II, Công ty THHH MTV thiết bị điện Cẩm Thành, Cửa hàng Điện máy Tài Phong, Cửa hàng Điện máy Quốc Thái,...

Công tác kiểm tra thực tế tại các cơ sở kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện

Thực hiện Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang và Quyết định số 213/QĐ-SKHCN ngày 26/09/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc Phê duyệt Kế hoạch thanh tra về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện. Ngày 27/9/2022, Chi cục trưởng Chi cục TCĐLCL đã ban hành Quyết định số 25/QĐ-TĐC về việc thanh tra về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện trên địa bàn TP. Châu Đốc và TP. Long Xuyên. Công tác thanh tra đã được triển khai đúng phạm vi, kế hoạch đề ra và đạt được nhiều ý nghĩa, góp phần thực hiện trách nhiệm kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa đối với nhóm sản phẩm thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện trong sản xuất,

lưu thông, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Đồng thời, quá trình thanh tra luôn đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, không làm cản trở đến hoạt động bình thường của các tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra; thực hiện nghiêm túc chế độ bảo mật và chế độ thông tin, báo cáo.

Nội dung thanh tra về việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng, nhãn hàng hoá trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện. Tập trung thanh tra vào các vấn đề: Thực hiện quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, việc thực hiện gắn dấu hợp quy trên sản phẩm; việc ghi nhãn hàng hoá; sự phù hợp của sản phẩm hàng hoá với quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn công bố áp dụng. Các sản phẩm hàng điện, điện tử thanh tra bao gồm các loại thiết bị điện, điện tử và dây cáp điệm thuộc danh mục hàng hoá quy định tại Quy chuẩn quốc gia QCVN 4:2009/BKHCN và sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN về an toàn đối với thiết bị điện, điện tử. Đối tượng là các tổ chức, cá nhân kinh doanh các thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện.

Từ ngày 04/10/2022 đến ngày 07/10/2022, Đoàn thanh tra do Chi cục TCĐLCL chủ trì đã tiến hành thanh tra 05 tổ chức kinh doanh có quy mô hoạt động tương đối lớn trên địa bàn thành phố Châu Đốc và thành phố Long Xuyên.

Qua quá trình kiểm tra thực tế cho thấy các tổ chức đều có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh; chấp hành tốt việc ghi nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ; Có lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy và trên các sản phẩm đều có gắn dấu hợp quy (CR) theo đúng quy định.

Trong quá trình kiểm tra thực tế, Đoàn thanh tra không có nghi vấn về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nên không tiến hành lấy mẫu gửi đi thử nghiệm để đánh giá chất lượng.

Kết quả thanh tra cho thấy các tổ chức kinh doanh được thanh tra đều chấp hành đúng các quy định về ghi nhãn hàng hóa, gắn dấu hợp quy (CR) và lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy theo quy định. Hoạt động thanh tra đã góp phần ổn định thị trường kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh và gian lận thương mại đối với các thiết bị điện, điện tử, dây cáp điện; tìm ra những mặt hạn chế trong hoạt động quản lý của các cơ quan chức năng, từ đó đề xuất những giải pháp quản lý phù hợp, sát với tình hình thực tế hơn. Đồng thời ghi nhận những ý kiến đề xuất, kiến nghị với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ sở kinh doanh như: Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ đạo các địa phương tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất, các Công ty lớn chuyên sản xuất và nhập khẩu các thiết bị điện trong việc thực hiện quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, công bố tiêu chuẩn áp dụng và việc thực hiện gắn dấu hợp quy trên sản phẩm nhằm hạn chế hàng hóa trôi nổi trên thị trường bán lẻ ở các chợ phường, xã, khu vực vùng sâu vùng xa như hiện nay.

Trong thời gian tới, Chi cục TCĐLCL sẽ tiếp tục nghiên cứu, thường xuyên thay đổi phương thức quản lý nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm, nâng cao nhận thức của các cơ sở kinh doanh các sản phẩm thiết bị điện, điện tử và dây cáp điện trong việc thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người tiêu dùng trong việc chọn lựa sản phẩm, hàng hóa bảo đảm an toàn, chất lượng./.

Kiều My

SƠN BỨC XẠ RARE: TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG LÀM MÁT NGÀY HÈ

Sơn bức xạ RARE - sản phẩm của nhóm nghiên cứu do TS Nguyễn Quốc Hưng (Trung tâm Nano và Năng lượng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội) dẫn đầu, được ghép chữ từ RAdiation (bức xạ) và REflection (phản xạ). Đây là một hỗn hợp ở dạng lỏng được phối trộn để tăng cường 2 cơ chế giảm nhiệt (phản xạ đối với ánh nắng và tăng khả năng bức xạ hồng ngoại dài). Sản phẩm đã được nhóm tác giả nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế tại Cục Sở hữu trí tuệ và đang trong quá trình thực nghiệm diện rộng trên thực tế. Hy vọng rằng, những mái nhà màu trắng được sơn bởi sơn bức xạ RARE sẽ ngày càng trở nên phổ biến.

Trung tâm Nano và Năng lượng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, nhóm nghiên cứu do TS Nguyễn Quốc Hưng dẫn đầu đã tập trung chế tạo các linh kiện ở kích thước micro/nano. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của các vật liệu làm mát bức xạ, TS Hưng đã tập trung phát triển các vật liệu này từ năm 2014. Tuy nhiên, các nghiên cứu ban đầu sử dụng phương pháp chế tạo phức tạp và đòi hỏi cao về máy móc, thiết bị để chế tạo nên chưa đem đến nhiều thành công.

Năm 2020, loại sơn mới do TS Nguyễn Quốc Hưng nghiên cứu, sản xuất đã được thử nghiệm ngoài thực tế trên một ngôi nhà mẫu được thiết kế hoàn toàn bằng thép có kích thước 2x2m^2. Căn nhà được đóng kín hoàn toàn để không có không khí đối lưu và có không gian chật hẹp, nhưng không khí trong nhà không bị nóng lên dưới tác động của ánh nắng. Kết quả cho thấy, khi được phủ lớp sơn dày 0,2 mm, nhiệt độ bên trong ngôi nhà luôn xấp xỉ bằng nhiệt độ không khí dưới bóng râm. Vào ban đêm, khi không có bức xạ mặt trời, nhiệt độ trong nhà còn thấp hơn ngoài trời do quá trình bức xạ vẫn liên tục diễn ra. Các kết quả này đã được nộp để đăng ký bảo hộ sáng chế tại Cục Sở hữu trí tuệ.

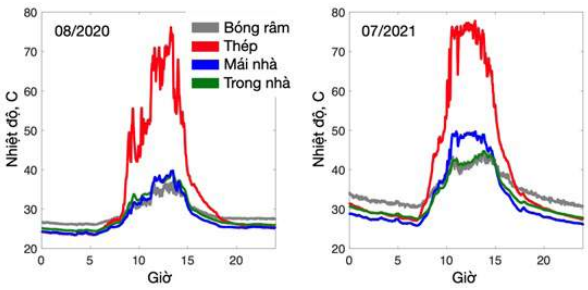

Nhiệt độ đo được của nhà thép thí nghiệm sau 1 năm hoạt động

Mặc dù mái nhà bị bám bẩn dưới ảnh hưởng tự nhiên của môi trường, nhưng sau 1 năm hoạt động ngoài trời, khả năng phản xạ nhiệt từ mái chỉ kém đi chút ít. Nhiệt độ bên trong nhà vẫn xấp xỉ nhiệt độ không khí dưới bóng cây, và chênh lệch so với bề mặt thép không sơn tới 40^{o}C. Vào ban đêm khi không nhận nhiệt từ mặt trời, không khí trong nhà lạnh hơn môi trường tới 5^{o}C. Công suất bức xạ mạnh mẽ dẫn tới khả năng làm mát thụ động là một chức năng đặc thù của loại sơn mới này, nó không có ở các loại sơn chống nóng thông thường.

Nhóm nghiên cứu của TS Nguyễn Quốc Hưng đã đặt tên cho sản phẩm của mình là: Sơn bức xạ RARE - được ghép chữ từ RAdiation (bức xạ) và REflection (phản xạ). Đây là một hỗn hợp ở dạng lỏng, trong đó gốc nhựa được hoà tan trong dung môi. Các hạt nano sau đó được phối trộn để tăng cường 2 cơ chế giảm nhiệt. Các hạt nano kích thước nhỏ được sử

dụng để tăng cường hệ số phản xạ đối với ánh sáng mặt trời; các hạt nano kích thước lớn hơn được sử dụng để tăng khả năng bức xạ hồng ngoại dài, trong vùng 8-14 µm. Ngoài ra, sơn bức xạ RARE còn có khả năng bám dính tốt lên nhiều bề mặt khác nhau như gỗ, đá, bê tông, kim loại, kính, nhựa… Ngoài hiệu ứng giảm nhiệt, sơn bức xạ do nhóm của TS Nguyễn Quốc Hưng nghiên cứu, chế tạo còn giúp tăng cường tuổi thọ và duy trì khả năng hoạt động cho các vật liệu, công trình ngoài trời do chúng gần như không bị nóng lên./.

Nguồn: Quốc Khôi - Tạp chí KH&CN Việt Nam điện tử, Mục " KH, CN và Đổi mới sáng tạo" đăng ngày 28/9/2022.

(tiếp theo trang 33)

Dương Xuân Quả; Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang; Hợp tác xã Nông nghiệp Vĩnh Bình và Công ty TNHH MTV Trịnh Văn Phú.

Tuy đã từng bước khẳng định được vị trí, vai trò, động lực của KHCN trong sự phát triển kinh tế của tỉnh, nhưng hoạt động KH&CN nói chung, hoạt động chuyển giao và ứng dụng công nghệ nói riêng trong thời gian qua vẫn còn một số hạn chế như:

- Năng lực chuyển giao, tiếp thu công nghệ của doanh nghiệp còn chậm; các doanh nghiệp chưa quan tâm đúng mức, hoặc chưa nắm rõ các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ nên quá trình tiếp cận và triển khai áp dụng vào doanh nghiệp còn hạn chế cơ chế tài chính trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển KHCN chưa được tháo gỡ nhiều;

- Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ còn thiếu và năng lực chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội về chuyên môn, nguồn lực của tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, nông dân trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, đặc biệt là tài chính, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, nhân lực,...Vì vậy, việc ứng dụng tiến bộ KH&CN chưa thật sự lan tỏa, rộng khắp trên địa bàn tỉnh;

- Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp hoạt động theo cơ chế tự chủ còn gặp khó khăn, chưa phát huy hết năng lực, hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hoạt động chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu của các viện, trường còn gặp nhiều khó khăn và đa số được thực hiện quan hệ hợp tác của các nhà khoa học thông qua các trung tâm nghiên cứu, trung tâm dịch vụ chuyển giao công nghệ trực thuộc viện, trường; một số kết quả nghiên cứu chưa thực sự hiệu quả do thời gian nghiên cứu kéo dài, không đáp ứng được tính cấp thiết,…

Do đó để phát huy vai trò của khoa học công nghệ trong thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, hội thảo tổ chức là hết sức cần thiết. Nhằm tiếp tục tăng cường sự phối hợp giữa Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ và Sở Khoa học và Công nghệ trong hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ. Thông qua Hội thảo, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội, các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; nhu cầu ứng dụng công nghệ trong một số lĩnh vực của các địa phương trong vùng./.

Dương Quỳnh

SÁNG CHẾ THÀNH CÔNG THIẾT BỊ LÀM SẠCH KHÍ BIOGAS

Với mục tiêu thu hồi khí sinh học để tạo ra nguồn năng lượng tái tạo sạch, dễ dàng kiểm soát, các nhà khoa học thuộc Viện Công nghệ Môi trường (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) đã nghiên cứu chế tạo thành công thiết bị làm sạch khí sinh học. Thiết bị có khả năng thu hồi hoàn toàn lượng khí tạp hỗn hợp gồm H_2S, CO, CO_2 và đáp ứng các tiêu chuẩn để chạy máy phát điện theo tiêu chuẩn đăng ký của Châu Âu (ISO 9001-2015). Nhóm nghiên cứu đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp bằng độc quyền sáng chế số 1-0032321 năm 2021 cho thiết bị này.

Thiết bị làm sạch khí sinh học của nhóm nghiên cứu bao gồm hai phần chính là bồn chứa dung dịch và ống dẫn khí sinh học. Trong đó, bồn chứa dung dịch hấp thụ của thiết bị được trang bị máy khuấy; ống dẫn dung dịch hấp thụ vào được nối thông với cửa dẫn dung dịch hấp thụ ra. Cụ thể, sau khi khí sinh học được đưa qua ống dẫn, bơm sẽ phun dung dịch hấp thụ vào trong lòng ống và quay, khiến cho các giọt dung dịch chuyển động ly tâm và phân tán vào trong khối bùi nhùi thép. Nhờ đó, các giọt dung dịch KOH sẽ tiếp xúc với khí sinh học từ bên ngoài đi vào và phản ứng để hấp thụ các khí tạp như H_2S, CO_2, từ đó làm sạch dòng khí. Nhờ tốc độ ly tâm cao, dung dịch hấp thụ không bị kéo theo dòng khí chuyển động mà vẫn loại bỏ được các khí tạp, đồng thời giữ cho dòng khí sau xử lý có độ ẩm thấp.

Thiết bị thu hồi khí sinh học do nhóm nghiên cứu chế tạo

Để kiểm tra mức độ chính xác của thiết bị trong thực tế, nhóm nghiên cứu đã lắp đặt thử nghiệm tại Công ty CP bia Sài Gòn - Miền Trung, tại TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk. Kết quả cho thấy, các mẫu khí sau khi làm sạch hoàn toàn không chứa hỗn hợp khí H_2S và CO. Đặc biệt, khí CO_2 cũng được xử lý nhờ quá trình tương tác với dung dịch hấp thụ, khí sinh học sau xử lý đáp ứng các tiêu chuẩn để chạy máy phát điện theo tiêu chuẩn của Châu Âu (ISO 9001-2015). Ngoài ra, trong quá trình sử dụng dung dịch hấp thụ là KOH, sản phẩm thải bỏ sau quá trình xử lý của thiết bị sẽ bao gồm K_2S, K_2CO_3. Đây là hai loại phân bón chứa hàm lượng Kali cao nhất hiện nay (K_2O=68%), vừa giúp cung cấp Kali vừa cung cấp CO_2 có lợi cho quá trình quang hợp và trao đổi chất của cây trồng. Phân bón chứa K_2CO_3 giúp tăng hàm lượng tinh bột trong cây có củ, thích hợp với đất chua và cây trồng không ưa gốc Clo (đặc biệt là sầu riêng)./.

ThS Nguyễn Thị Thanh Minh, TS Nguyễn Tuấn Minh
Viện Công nghệ Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
(Nguồn: Tạp chí KH&CN Việt Nam điện tử, Mục " KH, CN và Đổi mới sáng tạo" đăng ngày 19/9/2022)

Ban biên tập Bản tin KH&CN An Giang kính mong bạn đọc tham gia góp ý xây dựng để Bản tin ngày càng phát triển, đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và nhu cầu thông tin của bạn đọc. Mọi ý kiến, góp ý vui lòng gửi đến:

- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
*- Điện thoại: **0939 007676 (Hà Thị Mỹ Trang - Thư ký)***
*- Email: **bantinkhcnag@gmail.com***
Chân thành cảm ơn!

In 550 cuốn, khổ 19x27cm tại Công ty CP In An Giang. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT ngày 11/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông An Giang.
In xong nộp lưu chiểu tháng 11/2022.

THÔNG TIN
Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XIII (2022-2023)

1. Đối tượng dự thi

- Cá nhân người Việt Nam ở trong nước và cá nhân người nước ngoài đang đầu tư, nghiên cứu khoa học, làm việc, sinh sống tại tỉnh An Giang, không phân biệt lứa tuổi, thành phần dân tộc, nghề nghiệp, là người tạo ra giải pháp kỹ thuật, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh (tác giả giải pháp, đề tài nghiên cứu khoa học) đều có quyền dự thi với tư cách cá nhân.

- Tổ chức đã được cấp phép hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đã đầu tư nhân lực, kinh phí, trang thiết bị để tạo ra giải pháp kỹ thuật, đề tài nghiên cứu khoa học áp dụng có hiệu quả tại An Giang. Người trực tiếp tham gia sáng tạo ra giải pháp, đề tài được tổ chức cử đứng tên dự thi sẽ là tác giả của giải pháp, đề tài dự thi.

- Các cá nhân, tổ chức có các giải pháp, đề tài đã đạt giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ thì không được tham gia Hội thi.

2. Lĩnh vực dự thi

a) Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông.
b) Cơ khí tự động hóa, xây dựng, giao thông vận tải.
c) Vật liệu, hóa chất, năng lượng.
d) Nông - lâm - ngư nghiệp; tài nguyên và môi trường.
e) Y - Dược.
g) Giáo dục - Đào tạo.
h) Cải cách thủ tục hành chính và các lĩnh vực khác.

Giải pháp dự thi được đánh giá theo 03 tiêu chuẩn: Tính mới; Khả năng áp dụng rộng rãi (sử dụng) trong điều kiện kinh tế-kỹ thuật ở An Giang; Hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường.

3. Hồ sơ dự thi gồm

a) Phiếu dự thi theo mẫu (01 bộ)
b) Bản mô tả giải pháp, đề tài dự thi theo mẫu (02 bộ).

4. Cơ cấu giải thưởng

Giải thưởng Hội thi Sáng tạo kỹ thuật có tối đa :
- 01 hoặc 02 giải Nhất, mỗi giải 30.000.000 đồng
- 03 giải Nhì, mỗi giải 24.000.000 đồng
- 05 giải Ba, mỗi giải 18.000.000 đồng
- 10 đến 15 giải Khuyến khích, mỗi giải 6.000.000 đồng

Các tác giả đạt giải được cấp giấy chứng nhận đạt Giải Sáng tạo kỹ thuật và được tặng Biểu tượng của Ban Tổ chức Hội thi.

Giải Nhất và giải Nhì được tặng Bằng khen của UBND tỉnh; các giải Ba và các giải Khuyến khích được Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tặng giấy khen. Đồng thời, các tác giả đạt giải Nhất, Nhì, Ba còn được Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh tặng bằng khen và huy hiệu (nếu có) (nếu tác giả cá nhân và tập thể đạt Giải là CNVC và người lao động; là hội viên, đoàn viên thuộc các đoàn thể nói trên).

Ngoài ra, Ban Tổ chức Hội thi còn tặng giấy khen và đề nghị UBND tỉnh tặng bằng khen cho cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền, phổ biến hoặc đơn vị có nhiều giải pháp dự thi đem lại hiệu quả cao.

5. Thời gian và địa chỉ nhận hồ sơ dự thi

Thời gian nhận Hồ sơ dự thi từ ngày 08/4/2022 đến hết ngày 30/6/2023.

Hồ sơ dự thi phải đựng trong phong bì dán kín, ngoài bì thư ghi: HỒ SƠ THAM GIA HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH AN GIANG LẦN THỨ XIII (2022-2023) và gửi về địa chỉ:

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh An Giang
Số 54, Tôn Đức Thắng, p. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại: (02963).859.007 - 958.870 Fax: (02963).957.796
Email: lhhangiang@yahoo.com.vn

THÔNG TIN CẦN BIẾT

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
Đường dây nóng tiếp nhận phản ánh vi phạm đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu
269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Chánh Thanh tra: 0918 309806
Cơ quan: (0296) 3852850 hoặc (0296) 3852212

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (IP VIET NAM)
386 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
(024) 38583069, (024) 38583425, (024) 38583793, (024) 38585156

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Lầu 7, tòa nhà Hà Phan, số 17 - 19 Tôn Thất Tùng, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
(028) 39208483 hoặc (028) 39208485

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(0296) 3955300
http://tbtagi.angiang.gov.vn

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC AN GIANG
269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(0296) 6504499
https://congnghesinhhoc-biotech.vn

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(0296) 3954305 hoặc (0296) 3954306
https://agitech.vn https://atte.vn

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG là dấu hiệu để người tiêu dùng nhận biết nguồn gốc các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh An Giang được sản xuất trên cơ sở áp dụng những quy trình, quy chuẩn theo hướng an toàn

NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN ®
AN GIANG

Mọi thắc mắc về Nhãn hiệu chứng nhận An Giang vui lòng liên hệ:
Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
☎ (0296) 3955 300 tbtagi.angiang.gov.vn